

MỤC LỤC

CHƯƠNG I:	4
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG	4
Điều 1. Giải thích từ ngữ	4
Điều 2. Tên, hình thức, con dấu, trụ sở chính, mạng lưới và thời hạn hoạt động	6
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật	7
Điều 4. Mục tiêu và phạm vi hoạt động	8
Điều 5. Nội dung hoạt động cụ thể	8
Điều 6. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của ABBANK	9
Điều 7. Hoạt động ngân hàng điện tử	9
Điều 8. Hoạt động góp vốn mua cổ phần, kinh doanh bất động sản	10
CHƯƠNG II:	11
VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU	11
Mục 1:	11
VỐN ĐIỀU LỆ	11
Điều 9. Vốn điều lệ	11
Điều 10. Thay đổi vốn điều lệ	12
Mục 2:	12
CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU	12
Điều 11. Cổ phần	12
Điều 12. Giới hạn sở hữu cổ phần	13
Điều 13. Chào bán, phát hành cổ phần	14
Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần	14
Điều 15. Mua lại cổ phần	15
Điều 16. Thừa kế, tặng cho cổ phần	16
Điều 17. Chứng nhận cổ phiếu	16
Điều 18. Phát hành trái phiếu, chứng khoán khác	17
CHƯƠNG III:	17
TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA ABBANK	17
Mục 1:	17
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG	17
Điều 19. Cơ cấu tổ chức quản lý	17
Điều 20. Hệ thống kiểm soát nội bộ	17
Điều 21. Kiểm toán nội bộ	18
Điều 22. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ	19
Điều 23. Những trường hợp không được cùng đảm nhiệm chức vụ	20
Điều 24. Đương nhiên mất tư cách	22
Điều 25. Miễn nhiệm, bãi nhiệm	22
Điều 26. Đình chỉ, tạm đình chỉ	23
Điều 27. Việc bầu, bổ nhiệm	24
Điều 28. Công khai các lợi ích có liên quan	25
Điều 29. Nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng, tránh xung đột lợi ích của người quản lý, kiểm soát và điều hành ABBANK	27
Điều 30. Trách nhiệm và bồi thường	28

Điều 31. Giao dịch phải được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận	28
Điều 32. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác	30
Mục 2: 31	
CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	31
Điều 33. Cổ đông	31
Điều 34. Quyền của cổ đông	32
Điều 35. Nghĩa vụ của cổ đông	34
Điều 36. Sổ đăng ký cổ đông và lập danh sách cổ đông để thực hiện quyền	35
Điều 37. Vai trò của Đại hội đồng Cổ đông	36
Điều 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông	36
Điều 39. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông	38
Điều 40. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông	41
Điều 41. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông	42
Điều 42. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông	43
Điều 43. Thông báo triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông	44
Điều 44. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông	45
Điều 45. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông	46
Điều 46. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông	49
Điều 47. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	50
Điều 49. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông	54
Mục 3: 54	
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	54
Điều 50. Chức năng, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị	54
Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị	56
Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị	57
Điều 53. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	60
Điều 54. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng Quản trị	62
Điều 55. Thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị	63
Điều 56. Thể thức họp Hội đồng Quản trị	64
Điều 57. Thể thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị	68
Điều 58. Thư ký công ty và Người phụ trách quản trị công ty	69
Mục 4: 70	
BAN KIỂM SOÁT	70
Điều 59. Ban Kiểm soát	70
Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát	72
Điều 61. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát	74
Điều 62. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát	75
Điều 63. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát	76
Điều 64. Cuộc họp và lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát	76
Mục 5: 79	
TỔNG GIÁM ĐỐC	79
Điều 65. Tổng Giám đốc	79

Điều 66. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc.....	80
Điều 67. Tổ chức bộ máy quản lý.....	81
Mục 6: 82	
QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY.....	82
Điều 68. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ.....	82
Mục 7: 83	
NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN.....	83
Điều 69. Người lao động và công đoàn.....	83
CHƯƠNG IV:.....	84
CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ THÔNG TIN BÁO CÁO.....	84
Mục 1: 84	
CÁC QUY ĐỊNH CHUNG.....	84
Điều 70. Chế độ tài chính, năm tài chính.....	84
Điều 71. Hệ thống kế toán.....	84
Điều 72. Báo cáo tài chính và báo cáo thường niên.....	85
Điều 73. Kiểm toán độc lập.....	85
Điều 74. Sử dụng vốn và bảo đảm tỷ lệ an toàn.....	86
Mục 2: 87	
TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN.....	87
Điều 75. Trích lập các quỹ.....	87
Điều 76. Chia cổ tức.....	87
Mục 3: 88	
CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO.....	88
Điều 77. Thông tin và bảo mật thông tin.....	88
Điều 78. Báo cáo và công bố thông tin.....	89
Điều 79. Chế độ lưu giữ tài liệu.....	89
CHƯƠNG V:.....	90
GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN.....	90
Điều 80. Giải quyết tranh chấp nội bộ.....	90
Điều 81. Tổ chức lại.....	91
Điều 82. Giải thể.....	91
Điều 83. Áp dụng can thiệp sớm và kiểm soát đặc biệt.....	91
Điều 84. Phá sản.....	93
CHƯƠNG VI:.....	93
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	93
Điều 85. Hiệu lực của Điều lệ.....	93
Điều 86. Điều khoản cuối cùng.....	93

**CHƯƠNG I:
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Giải thích từ ngữ

1. Trong Điều lệ này, trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể có quy định khác, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:
 - a) *Pháp luật*: là Bộ luật, Luật, Pháp lệnh, Nghị định, Quyết định, Thông tư và các văn bản quy phạm pháp luật khác được quy định tại Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.
 - b) *Luật Các tổ chức tín dụng*: là Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 được Quốc hội thông qua ngày 16/06/2010 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2011 đã được sửa đổi bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng số 17/2017/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 20/11/2017 và có hiệu lực kể từ ngày 15/01/2018.
 - c) *Luật Doanh nghiệp*: là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội thông qua ngày 17/6/2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.
 - d) *Luật Chứng khoán*: là Luật Chứng khoán được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2019 và có hiệu lực từ 01/01/2021.
 - e) *Ngân hàng Nhà nước* hoặc *NHNN*: là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - f) *ABBANK/Ngân hàng An Bình*: là Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình.
 - g) *Cổ đông*: là mọi cá nhân hay tổ chức sở hữu một hoặc một số cổ phần của ABBANK.
 - h) *Cổ đông lớn*: là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ABBANK.
 - i) *Cổ phiếu*: là chứng chỉ do ABBANK phát hành hoặc bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần ABBANK.
 - j) *Người điều hành ABBANK*: bao gồm Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, thành viên Ban Điều hành, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương của ABBANK.¹
 - k) *Người quản lý ABBANK*: bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị; Tổng Giám đốc.²
 - l) *Người có liên quan*: là tổ chức, cá nhân có quan hệ với một tổ chức, cá nhân khác (bao gồm cả ABBANK) nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

¹ Khoản 32 Điều 4 Luật các TCTD.

² Khoản 31 Điều 4 Luật các TCTD.

- (i). Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; ABBANK với Công ty con của ABBANK và ngược lại; các công ty có cùng công ty mẹ với nhau; các Công ty con của ABBANK với nhau; người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của Công ty mẹ hoặc của ABBANK, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
 - (ii). Công ty hoặc ABBANK đối với người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của công ty hoặc ABBANK hoặc với Công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - (iii). Công ty hoặc ABBANK đối với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty hoặc ABBANK và ngược lại;
 - (iv). Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;
 - (v). Công ty hoặc ABBANK đối với cá nhân theo quy định tại điểm (iv) của người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty hoặc ABBANK và ngược lại;
 - (vi). Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm từ (i) đến (v) trên đây đối với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.
 - (vii). Pháp nhân, cá nhân khác có mối quan hệ tiềm ẩn rủi ro cho hoạt động của ABBANK được xác định theo quy định nội bộ của ABBANK hoặc theo yêu cầu bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước thông qua hoạt động thanh tra, giám sát đối với từng trường hợp cụ thể.
 - (viii). Các trường hợp khác theo quy định tại Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp, Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.
- m) *Người nội bộ*: là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của ABBANK, bao gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch, thành viên Hội đồng Quản trị, Người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương với các vị trí nêu trên do Đại hội đồng Cổ đông bầu hoặc Hội đồng Quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban Kiểm soát và thành viên Ban Kiểm soát, Thư ký công ty, Người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin.³
- n) *Thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị*: là thành viên Hội đồng Quản trị đảm bảo các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại Khoản 2 Điều 51 của Điều lệ này.

³ Khoản 45 Điều 4 Luật Chứng khoán

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu đến một hoặc một số quy định pháp luật, một hoặc một số điều khoản, hoặc một hoặc một số văn bản pháp luật cụ thể sẽ bao gồm cả những quy định, điều khoản hoặc văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế hoặc giải thích (nếu có) của chúng trong từng thời kỳ. Trường hợp do thay đổi quy định của pháp luật hay vì bất kỳ lý do nào mà quy định của Điều lệ này khác với quy định có hiệu lực bắt buộc áp dụng của pháp luật về cùng một nội dung cụ thể thì quy định của pháp luật có liên quan đến vấn đề cụ thể đó đương nhiên được áp dụng.
3. Các tiêu đề của Chương, Mục, Điều trong Điều lệ này được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc tham chiếu và không ảnh hưởng tới nội dung quy định của của chúng.
4. Các từ ngữ, thuật ngữ, khái niệm chưa được định nghĩa trong Điều lệ này, sẽ được hiểu theo các quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 2. Tên, hình thức, con dấu, trụ sở chính, mạng lưới và thời hạn hoạt động

1. Ngân hàng Thương mại Cổ phần An Bình được thành lập và hoạt động theo Giấy phép thành lập và hoạt động cấp lần đầu số 0031/NH-GP ngày 15 tháng 4 năm 1993 và Giấy phép cấp đổi số 120/GP-NHNN ngày 12 tháng 12 năm 2018 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - a) Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN AN BÌNH.
 - b) Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: AN BINH COMMERCIAL JOINT STOCK BANK.
 - c) Tên viết tắt tiếng Việt: Ngân hàng An Bình.
 - d) Tên viết tắt tiếng Anh: ABBANK.
 - e) Mã chứng khoán: ABB
2. ABBANK là ngân hàng thương mại được tổ chức dưới hình thức công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật Việt Nam.
3. Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 1, 2, 3 Toà nhà GELEXIMCO, Số 36 Hoàng Cầu, Phường Ô Chợ Dừa, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội.

Điện thoại: 84-24-37612888 Fax: 84-24-35190416 Website: www.abbank.vn
4. Thời hạn hoạt động: Chín mươi chín (99) năm kể từ ngày 15/4/1993 và có thể được gia hạn theo quy định của pháp luật.
5. Dấu của ABBANK bao gồm dấu được làm tại cơ sở khắc dấu hoặc dấu dưới hình thức chữ ký số theo quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Hội đồng quản trị quyết định loại dấu, số lượng, hình thức và nội dung dấu của ABBANK, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện của ABBANK (nếu có). Việc quản lý, sử dụng dấu của ABBANK thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan và các quy định nội bộ của ABBANK.

6. ABBANK mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước và các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam và tại nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
7. ABBANK có thể thành lập Công ty con, chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện, đơn vị sự nghiệp và các hình thức hiện diện thương mại khác ở trong nước và nước ngoài để thực hiện các mục tiêu hoạt động của ABBANK phù hợp với Giấy phép do NHNN cấp và quy định của pháp luật.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật⁴

1. ABBANK có một người đại diện theo pháp luật là Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Người đại diện theo pháp luật đại diện cho ABBANK thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của ABBANK, đại diện cho ABBANK với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
2. Người đại diện theo pháp luật của ABBANK có các trách nhiệm sau:
 - a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp của ABBANK;
 - b) Trung thành với lợi ích của ABBANK; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của ABBANK để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ABBANK về doanh nghiệp mà mình, người có liên quan của mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp theo quy định của pháp luật; và
 - d) Các nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và Điều lệ này.
3. Người đại diện theo pháp luật của ABBANK phải cư trú tại Việt Nam, trường hợp vắng mặt ở Việt Nam phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác là người quản lý, người điều hành đang cư trú tại Việt Nam để thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình.

⁴ Điều 12, 13 Luật Doanh nghiệp; Điều 3 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

Điều 4. Mục tiêu và phạm vi hoạt động

1. Mục tiêu của ABBANK là trở thành một ngân hàng TMCP bán lẻ hàng đầu tại Việt Nam; mang lại trải nghiệm và chất lượng dịch vụ tốt nhất cho khách hàng; tối đa hoá lợi nhuận cho cổ đông; phát triển đội ngũ chuyên nghiệp và có đạo đức, bảo đảm quyền lợi cho người lao động; góp phần vào việc phát triển kinh tế, xã hội của đất nước và cộng đồng.
2. ABBANK hoạt động kinh doanh tiền tệ, dịch vụ ngân hàng với nội dung nhận tiền gửi, cấp tín dụng, cung ứng dịch vụ thanh toán, ngân quỹ và các hoạt động ngân hàng, hoạt động kinh doanh khác trong phạm vi toàn quốc và tại nước ngoài phù hợp với Giấy phép do NHNN cấp và quy định của pháp luật.
3. ABBANK có quyền tự chủ trong hoạt động kinh doanh và tự chịu trách nhiệm về kết quả kinh doanh của mình. Không tổ chức, cá nhân nào được can thiệp trái pháp luật vào hoạt động kinh doanh của ABBANK⁵.

Điều 5. Nội dung hoạt động cụ thể⁶

1. Nhận tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, tiền gửi tiết kiệm và các loại tiền gửi khác;
2. Cấp tín dụng dưới các hình thức cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và giấy tờ có giá khác; bảo lãnh ngân hàng; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước;
3. Mở tài khoản thanh toán cho khách hàng;
4. Cung ứng dịch vụ thanh toán trong nước: Cung ứng phương tiện thanh toán; thực hiện dịch vụ thanh toán séc, lệnh chi, ủy nhiệm chi, nhờ thu, ủy nhiệm thu, thư tín dụng, thẻ ngân hàng, dịch vụ thu hộ và chi hộ;
5. Mở tài khoản tại Ngân hàng Nhà nước và tại tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài khác;
6. Tổ chức thanh toán nội bộ, tham gia hệ thống thanh toán liên ngân hàng quốc gia;
7. Dịch vụ quản lý tiền mặt, tư vấn ngân hàng, tài chính; các dịch vụ quản lý, bảo quản tài sản, cho thuê tủ, két an toàn;
8. Tư vấn tài chính doanh nghiệp, tư vấn mua, bán, hợp nhất, sáp nhập doanh nghiệp và tư vấn đầu tư;

⁵ Khoản 1 Điều 7 Luật Các TCTD

⁶ Thông tư 17/2017/TT-NHNN sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 40/2011/TT-NHNN. Giấy phép cấp đổi số 120/GP-NHNN ngày 12/12/2018 của NHNN cấp cho ABBANK.

9. Tham gia đấu thầu, mua, bán tín phiếu Kho bạc, công cụ chuyển nhượng, trái phiếu Chính phủ, tín phiếu Ngân hàng Nhà nước và các giấy tờ có giá khác trên thị trường tiền tệ;
10. Mua, bán trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp;
11. Dịch vụ môi giới tiền tệ;
12. Phát hành chứng chỉ tiền gửi, kỳ phiếu, tín phiếu, trái phiếu để huy động vốn theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán, quy định của Chính phủ và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
13. Vay vốn của Ngân hàng Nhà nước dưới hình thức tái cấp vốn theo quy định của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
14. Vay, cho vay, gửi, nhận gửi vốn của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài, tổ chức tài chính trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
15. Góp vốn, mua cổ phần theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
16. Ủy thác, nhận ủy thác, đại lý trong lĩnh vực liên quan đến hoạt động ngân hàng, kinh doanh bảo hiểm, quản lý tài sản theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước;
17. Kinh doanh, cung ứng dịch vụ ngoại hối trên thị trường trong nước và trên thị trường quốc tế trong phạm vi do Ngân hàng Nhà nước quy định;
18. Lưu ký chứng khoán;
19. Ví điện tử;
20. Đầu tư hợp đồng tương lai trái phiếu Chính phủ;
21. Mua nợ.
22. Các hoạt động khác sau khi được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận.

Điều 6. Lãi suất, phí trong hoạt động kinh doanh của ABBANK

1. ABBANK được quyền ấn định và phải niêm yết công khai mức lãi suất huy động, mức phí cung ứng dịch vụ trong hoạt động kinh doanh của ABBANK phù hợp với quy định của pháp luật.
2. ABBANK có quyền thỏa thuận với khách hàng về lãi suất, phí dịch vụ phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Hoạt động ngân hàng điện tử

ABBANK được thực hiện các hoạt động kinh doanh thông qua việc sử dụng nền tảng số, phương thức điện tử phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

Điều 8. Hoạt động góp vốn mua cổ phần, kinh doanh bất động sản

1. ABBANK chỉ được dùng vốn điều lệ và quỹ dự trữ để góp vốn, mua cổ phần theo quy định tại các Khoản 2, 3, 4 và 6 Điều này
2. ABBANK phải thành lập hoặc mua lại công ty con, công ty liên kết để thực hiện hoạt động kinh doanh sau đây:
 - a) Bảo lãnh phát hành chứng khoán, môi giới chứng khoán; quản lý, phân phối chứng chỉ quỹ đầu tư chứng khoán; quản lý danh mục đầu tư chứng khoán và mua, bán cổ phiếu;
 - b) Cho thuê tài chính;
 - c) Bảo hiểm.
3. ABBANK được thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết hoạt động trong lĩnh vực quản lý nợ và khai thác tài sản, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng.
4. ABBANK được góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp hoạt động trong các lĩnh vực sau đây:
 - a) Bảo hiểm, chứng khoán, kiều hối, kinh doanh ngoại hối, vàng, bao thanh toán, phát hành thẻ tín dụng, tín dụng tiêu dùng, dịch vụ trung gian thanh toán, thông tin tín dụng;
 - b) Lĩnh vực khác không quy định tại điểm a Khoản này.
5. Việc thành lập, mua lại công ty con, công ty liên kết theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này và việc góp vốn, mua cổ phần của ABBANK theo quy định tại điểm b Khoản 4 Điều này phải được sự chấp thuận trước bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước. Điều kiện, hồ sơ, trình tự, thủ tục thành lập công ty con, công ty liên kết, góp vốn mua cổ phần của ABBANK thực hiện theo hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và quy định của pháp luật có liên quan.
6. ABBANK, công ty con của ABBANK được mua, nắm giữ cổ phiếu của tổ chức tín dụng khác với điều kiện và trong giới hạn quy định của Ngân hàng Nhà nước.

7. Mức góp vốn, mua cổ phần của ABBANK và các công ty con, công ty liên kết của ABBANK vào một doanh nghiệp hoạt động trên lĩnh vực quy định tại Khoản 4 Điều này không được vượt quá 11% vốn điều lệ của doanh nghiệp nhận vốn góp.

Mức góp vốn, mua cổ phần này không bao gồm mức góp vốn, mua cổ phần của công ty quản lý quỹ là công ty con, công ty liên kết của ABBANK vào một doanh nghiệp từ các quỹ do công ty đó quản lý.

Tổng mức góp vốn, mua cổ phần của ABBANK vào các doanh nghiệp, kể cả các công ty con, công ty liên kết của ABBANK không được vượt quá 40% vốn điều lệ và quỹ dự trữ của ABBANK⁷.

8. ABBANK không được góp vốn, mua cổ phần của các doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác là cổ đông của chính ABBANK.
9. ABBANK không được kinh doanh bất động sản, trừ các hoạt động sau đây:
- Mua, đầu tư, sở hữu bất động sản để sử dụng làm trụ sở kinh doanh, địa điểm làm việc hoặc cơ sở kho tàng phục vụ trực tiếp cho các hoạt động nghiệp vụ của ABBANK;
 - Cho thuê một phần trụ sở kinh doanh thuộc sở hữu của ABBANK chưa sử dụng hết;
 - Nắm giữ bất động sản do việc xử lý nợ vay. Trong thời hạn 03 năm, kể từ ngày quyết định xử lý tài sản bảo đảm là bất động sản, ABBANK phải bán, chuyển nhượng hoặc mua lại bất động sản này để bảo đảm tỷ lệ đầu tư vào tài sản cố định và mục đích sử dụng tài sản cố định phù hợp với quy định của pháp luật.

CHƯƠNG II: VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU

Mục 1: VỐN ĐIỀU LỆ

Điều 9. Vốn điều lệ

1. Vốn điều lệ của ABBANK là: **9.409.470.820.000 đồng (chín nghìn bốn trăm lẻ chín tỷ, bốn trăm bảy mươi triệu, tám trăm hai mươi nghìn đồng)**⁸

⁷ Điều 129 Luật Các TCTD

⁸ Được sửa đổi, bổ sung ngày 20/4/2022

2. Vốn điều lệ của ABBANK được hạch toán bằng đồng Việt Nam (VND).
3. ABBANK phải bảo đảm mức vốn điều lệ thực có không thấp hơn mức vốn pháp định.

Điều 10. Thay đổi vốn điều lệ

1. Việc thay đổi vốn điều lệ của ABBANK (tăng hoặc giảm) phải được thực hiện trên cơ sở quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi thực hiện.
2. Vốn điều lệ của ABBANK có thể được tăng từ các nguồn và cách thức sau:
 - a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ; Quỹ thặng dư cổ phần; Lợi nhuận để lại và quỹ khác theo quy định của pháp luật;
 - b) Chào bán thêm cổ phần (chào bán cho cổ đông hiện hữu, chào bán ra công chúng, phát hành cổ phiếu riêng lẻ);
 - c) Chuyển đổi từ trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;
 - d) Các nguồn, cách thức khác do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật.
3. Các hình thức giảm vốn điều lệ của ABBANK:
 - a) ABBANK mua lại, thu hồi và hủy bỏ số lượng cổ phiếu có mệnh giá tương ứng với số vốn dự kiến được điều chỉnh giảm;
 - b) Các hình thức khác do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Điều kiện, trình tự, thủ tục, hồ sơ thay đổi vốn điều lệ thực hiện theo các quy định có liên quan của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
5. Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc thẩm định hồ sơ, thủ tục, điều kiện để ABBANK thay đổi vốn điều lệ theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ này.
6. ABBANK phải thực hiện đăng ký với cơ quan đăng ký kinh doanh về mức vốn điều lệ mới, báo cáo Ngân hàng Nhà nước, thực hiện công bố thông tin theo quy định của pháp luật và cập nhật thông tin trong Điều lệ của ABBANK khi có sự thay đổi vốn điều lệ.

Mục 2: CỔ PHẦN VÀ CỔ PHIẾU

Điều 11. Cổ phần

1. Vốn điều lệ của ABBANK được chia thành **940.947.082** (*chín trăm bốn mươi triệu, chín trăm bốn mươi bảy nghìn, không trăm tám mươi hai*) cổ phần. Mỗi cổ phần ABBANK có mệnh giá là 10.000 (mười nghìn) đồng.⁹
2. Tại thời điểm thông qua Điều lệ này, toàn bộ cổ phần của ABBANK là cổ phần phổ thông; tất cả các cổ đông của ABBANK là cổ đông phổ thông.
3. Trường hợp cần thiết, ABBANK có thể phát hành các loại cổ phần khác phù hợp với quy định của pháp luật.
4. Mỗi cổ phần của cùng một loại đều tạo cho người sở hữu nó các quyền, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau.

Điều 12. Giới hạn sở hữu cổ phần¹⁰

1. Đối với nhà đầu tư trong nước:
 - a) Một cổ đông cá nhân chỉ được sở hữu tối đa 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK.
 - b) Một cổ đông là tổ chức chỉ được sở hữu tối đa 15% (mười lăm phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK, trừ các trường hợp sau đây:
 - (i) Sở hữu tại ABBANK khi ABBANK được kiểm soát đặc biệt theo phương án cơ cấu lại được cấp có thẩm quyền phê duyệt; sở hữu cổ phần của ABBANK tại các công ty con, công ty liên kết quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều 103, Khoản 3 Điều 110 của Luật Các tổ chức tín dụng;
 - (ii) Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài quy định tại Khoản 2 Điều này.
 - c) Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó được sở hữu tối đa 20% vốn điều lệ của ABBANK, trừ trường hợp quy định tại điểm b Khoản này.
 - d) Cổ đông lớn của ABBANK và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% (năm phần trăm) trở lên vốn điều lệ của một tổ chức tín dụng khác.
 - e) Cổ đông lớn của một tổ chức tín dụng và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu cổ phần từ 5% (năm phần trăm) trở lên vốn điều lệ của ABBANK.
2. Đối với nhà đầu tư nước ngoài: ***Tổng mức sở hữu cổ phần tối đa của tất cả các nhà đầu tư nước ngoài tại ABBANK là 24,6% vốn điều lệ ABBANK. Điều kiện, thủ tục mua bán cổ phần, tỷ lệ sở hữu cổ phần tối đa của một nhà đầu tư nước***

⁹ Được sửa đổi, bổ sung ngày 20/4/2022

¹⁰ Điều 55 Luật Các TCTD

ngoài thực hiện theo quy định chung của pháp luật hiện hành.¹¹

3. Tỷ lệ sở hữu quy định tại Khoản 1 Điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.
4. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần theo quy định hiện hành tại thời điểm thực hiện chuyển đổi và chỉ được thực hiện sau khi Ngân hàng Nhà nước chấp thuận tăng vốn điều lệ.¹²

Điều 13. Chào bán, phát hành cổ phần¹³

1. Việc chào bán, phát hành cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và Điều lệ này.
2. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của cổ đông trong ABBANK, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng Quản trị quyết định. Hội đồng Quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho cổ đông và người khác với điều kiện không thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp Đại hội đồng Cổ đông có chấp thuận khác.
3. Cổ phần được coi là đã bán khi tiền mua cổ phần được thanh toán đủ và các thông tin họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, số Giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người mua là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của người mua là tổ chức, số lượng cổ phần từng loại, ngày đăng ký cổ phần được ghi đúng, đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông; kể từ thời điểm đó, người mua cổ phần là cổ đông sở hữu số cổ phần đã mua.

Điều 14. Chuyển nhượng cổ phần¹⁴

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Việc chuyển nhượng cổ phần được thực hiện theo quy định của Điều lệ này và quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp cổ phần ABBANK được niêm yết hoặc đăng ký giao dịch trên Sở Giao dịch Chứng khoán thì việc chuyển quyền sở hữu cổ phần thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng

¹¹ Được sửa đổi, bổ sung ngày 20/4/2022

¹² Điều 24 Thông tư 34/2013/TT-NHNN

¹³ Điều 56 Luật TCTD; Luật Chứng khoán, Nghị định 155/2020/NĐ-CP (các quy định về chào bán, phát hành)

¹⁴ Điều 29 và Điều 56 Luật các TCTD; Điều 127 Luật Doanh nghiệp; Điều 9 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

3. Các trường hợp chuyển nhượng cổ phần sau đây phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi chuyển nhượng:

- a) Mua bán, chuyển nhượng cổ phần của cổ đông lớn;
- b) Mua bán, chuyển nhượng cổ phần dẫn đến cổ đông lớn thành cổ đông thường và ngược lại.

4. Cổ đông cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.

5. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo quyết định của Ngân hàng Nhà nước do trách nhiệm cá nhân, các thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ trường hợp các cá nhân này:

- a) Là đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định pháp luật;
- b) Bị bắt buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án.
- c) Chuyển nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

6. Cổ phần của cổ đông được coi là đã chuyển nhượng khi các thông tin của Bên nhận chuyển nhượng kèm theo sổ cổ phần nhận chuyển nhượng đã được cập nhật đầy đủ trong Sổ đăng ký cổ đông. Thời điểm chuyển nhượng cổ phần của ABBANK khi đã niêm yết, đăng ký giao dịch được thực hiện theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 15. Mua lại cổ phần¹⁵

1. Việc ABBANK mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông hoặc theo quyết định của ABBANK được thực hiện phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Chứng khoán và Luật Doanh nghiệp hiện hành.

¹⁵ Điều 57 Luật các TCTD; Điều 36, 37 Luật Chứng khoán; Điều 132-134 Luật Doanh nghiệp

2. ABBANK chỉ được mua lại cổ phần của cổ đông nếu sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại mà vẫn bảo đảm các tỷ lệ an toàn trong hoạt động ngân hàng, giá trị thực của vốn điều lệ không giảm thấp hơn mức vốn pháp định; trường hợp mua lại cổ phần dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của ABBANK thì phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận trước bằng văn bản.
3. Sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của ABBANK giảm hơn 10% (mười phần trăm) thì ABBANK phải thông báo cho tất cả chủ nợ biết trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần được mua lại.¹⁶

Điều 16. Thừa kế, tặng cho cổ phần

1. Việc thừa kế, tặng cho cổ phần, sử dụng cổ phần để trả nợ thực hiện theo quy định của Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Sau khi thực hiện xong tất cả các thủ tục thừa kế và xuất trình đầy đủ các giấy tờ chứng minh tư cách thừa kế hợp pháp, người thừa kế thực hiện đăng ký các loại cổ phần được thừa kế và trở thành cổ đông của ABBANK, được hưởng các quyền lợi và nghĩa vụ của cổ đông tính trên số cổ phần mà họ được thừa kế phù hợp với quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.
3. Người thừa kế, nhận tặng cho, nhận trả nợ bằng cổ phần của các cổ đông là thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác của ABBANK không đương nhiên được kế thừa quyền nắm giữ các chức danh đó.

Điều 17. Chứng nhận cổ phiếu¹⁷

1. Cổ phiếu là loại chứng khoán tương ứng với cổ phần của cổ đông tại ABBANK. Cổ đông ABBANK được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu. Cổ phiếu ABBANK là cổ phiếu có ghi tên được thể hiện dưới hình thức chứng chỉ, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử. Cổ phiếu ABBANK phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 121 Luật Doanh nghiệp.
2. Trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày hoàn tất đợt chào bán, phát hành hoặc thời hạn cụ thể khác theo quy định của điều khoản phát hành, cổ đông sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu.

¹⁶ Điều 134.3 và 134.4 Luật Doanh nghiệp

¹⁷ Điều 58 Luật các TCTD; Điều 121 Luật Doanh nghiệp

3. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị huỷ hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì xử lý như sau:

ABBANK cấp lại chứng nhận cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông. Đề nghị của cổ đông phải có các nội dung sau đây:

- a) Thông tin về chứng nhận cổ phiếu đã bị mất, bị hư hỏng hoặc bị huỷ hoại dưới hình thức khác;
- b) Cam kết chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại chứng nhận cổ phiếu mới.

Điều 18. Phát hành trái phiếu, chứng khoán khác

Việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi và chứng chỉ chứng khoán khác của ABBANK được thực hiện theo quy định chung của pháp luật và các quy định có liên quan của Điều lệ này.

Chứng chỉ trái phiếu hoặc chứng chỉ chứng khoán khác của ABBANK được phát hành có chữ ký của người đại diện theo pháp luật và dấu của ABBANK.¹⁸

CHƯƠNG III: TỔ CHỨC QUẢN LÝ CỦA ABBANK

Mục 1: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 19. Cơ cấu tổ chức quản lý¹⁹

Bộ máy quản lý của ABBANK bao gồm:

1. Đại hội đồng Cổ đông;
2. Hội đồng Quản trị;
3. Ban Kiểm soát;
4. Tổng Giám đốc.

Điều 20. Hệ thống kiểm soát nội bộ

1. Hệ thống kiểm soát nội bộ là tập hợp các cơ chế, chính sách, quy trình, quy định

¹⁸ Điều 8 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

¹⁹ Điều 12, 13 Luật Doanh nghiệp; Điều 11 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

nội bộ, cơ cấu tổ chức của ABBANK, được xây dựng phù hợp với hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước và được tổ chức thực hiện nhằm bảo đảm phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời rủi ro và đạt được yêu cầu đề ra.

2. ABBANK phải xây dựng hệ thống kiểm soát nội bộ để bảo đảm các yêu cầu sau đây:
 - a) Hiệu quả và an toàn trong hoạt động; bảo vệ, quản lý, sử dụng an toàn, hiệu quả tài sản và các nguồn lực;
 - b) Hệ thống thông tin tài chính và thông tin quản lý trung thực, hợp lý, đầy đủ và kịp thời;
 - c) Tuân thủ pháp luật và các quy chế, quy trình, quy định nội bộ.
3. Hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ của ABBANK phải được Kiểm toán nội bộ, tổ chức kiểm toán độc lập đánh giá định kỳ.
4. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm thiết lập, duy trì và phát triển hệ thống kiểm soát nội bộ hợp lý và hoạt động có hiệu quả; tiến hành tổ chức kiểm tra, đánh giá về hệ thống kiểm soát nội bộ và chịu trách nhiệm thực hiện theo các quy định khác có liên quan về hệ thống kiểm soát nội bộ.

Điều 21. Kiểm toán nội bộ

1. Kiểm toán nội bộ của ABBANK là đơn vị trực thuộc và chịu sự chỉ đạo trực tiếp của Ban Kiểm soát.
2. Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong ABBANK; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm ABBANK hoạt động an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Kiểm toán nội bộ độc lập với các đơn vị, các bộ phận điều hành, tác nghiệp của ABBANK và thực hiện đánh giá, kết luận, kiến nghị một cách độc lập trong hoạt động kiểm toán nội bộ.
4. Kết quả kiểm toán nội bộ phải được báo cáo kịp thời cho Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và gửi Tổng Giám đốc.²⁰
5. Căn cứ quy mô và đặc điểm hoạt động của ABBANK và quy định hiện hành của pháp luật có liên quan, Ban Kiểm soát quy định cụ thể về tổ chức và hoạt động của Kiểm toán nội bộ.

²⁰ Khoản 3 Điều 41 Luật Các TCTD

6. Các quy định khác về bộ phận Kiểm toán nội bộ của ABBANK không được quy định trong Điều lệ này được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 22. Những trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ²¹

1. Những người sau đây không được là Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc Công ty con của ABBANK:
 - a) Người chưa thành niên; người bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự, đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án;
 - c) Người đã bị kết án về tội xâm phạm sở hữu mà chưa được xoá án tích;
 - d) Người đã từng bị kết án về tội từ tội phạm nghiêm trọng trở lên;
 - e) Cán bộ, công chức, người quản lý từ cấp phòng trở lên trong các doanh nghiệp mà Nhà nước nắm từ 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ trở lên, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại ABBANK;
 - f) Sĩ quan, hạ sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, công nhân quốc phòng trong các cơ quan, đơn vị thuộc Quân đội nhân dân Việt Nam; sĩ quan, hạ sĩ quan chuyên nghiệp trong các cơ quan, đơn vị thuộc Công an nhân dân Việt Nam, trừ người được cử làm đại diện quản lý phần vốn góp của Nhà nước tại ABBANK;
2. Cha mẹ, vợ, chồng, con, anh, chị, em của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và vợ, chồng của những người này không được là Kế toán trưởng hoặc người phụ trách tài chính của ABBANK;
3. Những người sau đây không được là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương của ABBANK:
 - a) Thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều này;
 - b) Người thuộc đối tượng không được tham gia quản lý, điều hành theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức và pháp luật về phòng, chống tham nhũng;

²¹ Điều 33 của Luật các TCTD.

- c) Người đã từng là chủ doanh nghiệp tư nhân, thành viên hợp danh của công ty hợp danh, Giám đốc (Tổng Giám đốc), thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp, Chủ nhiệm và các thành viên Ban quản trị hợp tác xã tại thời điểm doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản, trừ trường hợp doanh nghiệp, hợp tác xã bị tuyên bố phá sản vì lý do bất khả kháng;
- d) Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp tại thời điểm doanh nghiệp bị đình chỉ hoạt động, bị buộc giải thể do vi phạm pháp luật nghiêm trọng, trừ trường hợp là đại diện theo đề nghị của cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhằm chấn chỉnh, củng cố doanh nghiệp đó;
- e) Người đã từng bị đình chỉ chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, thành viên Hội đồng thành viên, Trưởng Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc) của tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều 37 Luật Các tổ chức tín dụng hoặc bị cơ quan quản lý nhà nước, cơ quan pháp luật xác định người đó có sai phạm dẫn đến việc tổ chức tín dụng bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động;
- f) Người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc không được là thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK;
- g) Người có liên quan của Chủ tịch Hội đồng Quản trị không được là Tổng Giám đốc của ABBANK;
- h) Người phải chịu trách nhiệm theo kết luận thanh tra dẫn đến việc tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng ở khung phạt tiền cao nhất đối với hành vi vi phạm quy định về giấy phép, quản trị, điều hành, cổ phần, cổ phiếu, góp vốn, mua cổ phần, cấp tín dụng, mua trái phiếu doanh nghiệp, tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của pháp luật về xử lý vi phạm hành chính trong lĩnh vực tiền tệ và ngân hàng²².

Điều 23. Những trường hợp không được cùng đảm nhiệm chức vụ²³

1. Thành viên Hội đồng Quản trị của ABBANK:

- a) Không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK;
- b) Không được đồng thời là người quản lý của tổ chức tín dụng khác, trừ trường

²² Khoản 6, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các TCTD.

²³ Điều 34 Luật các TCTD.

hợp tổ chức tín dụng này là công ty con của ABBANK;

- c) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị tại quá 05 công ty khác;²⁴
- d) Chủ tịch Hội đồng Quản trị của ABBANK không được đồng thời là người điều hành của ABBANK và của tổ chức tín dụng khác.
- e) Chủ tịch Hội đồng Quản trị của ABBANK không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Thành viên, thành viên Hội đồng Thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác²⁵.

2. Thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK:

- a) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Thành viên, người điều hành, nhân viên của ABBANK hoặc công ty con của ABBANK; hoặc nhân viên của doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc của ABBANK là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành hoặc là cổ đông lớn của doanh nghiệp đó;
- b) Không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Thành viên, người điều hành của doanh nghiệp mà thành viên Ban Kiểm soát của doanh nghiệp đó đang là thành viên Hội đồng Quản trị, người điều hành tại ABBANK;
- c) Trưởng Ban Kiểm soát không được đồng thời là thành viên Ban Kiểm soát, người quản lý của tổ chức tín dụng khác.

3. Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của ABBANK không được đồng thời là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Thành viên, thành viên Ban Kiểm soát của tổ chức tín dụng khác, trừ trường hợp tổ chức đó là công ty con của ABBANK.

Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của ABBANK không được đồng thời là Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác.

Tổng Giám đốc của ABBANK không được đồng thời là Chủ tịch Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Thành viên, thành viên Hội đồng Thành viên, Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng Giám

²⁴ Khoản 3 Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

²⁵ Khoản 7, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng 2017.

đốc (Phó Giám đốc) hoặc các chức danh tương đương của doanh nghiệp khác²⁶.

Điều 24. Đương nhiên mất tư cách²⁷

1. Các trường hợp đương nhiên mất tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc:
 - a) Mất năng lực hành vi dân sự hoặc chết;
 - b) Vi phạm quy định tại Khoản 3 Điều 22 Điều lệ này;
 - c) Tư cách pháp nhân của cổ đông là tổ chức mà người đó là đại diện vốn góp chấm dứt;
 - d) Chấm dứt tư cách đại diện phần vốn góp theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức;
 - e) Bị trục xuất khỏi lãnh thổ nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
 - f) ABBANK bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - g) Hợp đồng thuê Tổng Giám đốc hết hiệu lực.
2. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được các đối tượng trên bị đương nhiên mất tư cách theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị ABBANK phải có văn bản báo cáo kèm tài liệu chứng minh cụ thể gửi Ngân hàng Nhà nước và phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của báo cáo này trước pháp luật; thực hiện các thủ tục để bầu, bổ nhiệm chức danh bị khuyết theo các quy định của pháp luật.
3. Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ABBANK sau khi bị xác định đương nhiên mất tư cách vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định trái với quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK hoặc các quyết định cố ý làm sai của mình trong thời gian đương nhiệm.

Điều 25. Miễn nhiệm, bãi nhiệm²⁸

1. Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ABBANK bị xem xét miễn nhiệm, bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a) Bị hạn chế năng lực hành vi dân sự;

²⁶ Khoản 7, Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng 2017.

²⁷ Điều 35 Luật các TCTD.

²⁸ Điều 36 Luật các TCTD.

- b) Có đơn xin từ chức (trong đó nêu rõ lý do xin từ chức) gửi Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát của ABBANK;
 - c) Không bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện tương ứng đối với Chủ tịch và thành viên Hội đồng Quản trị; Trưởng ban và thành viên Ban Kiểm soát; Tổng Giám đốc quy định tại Điều lệ này;
 - d) Không đảm bảo yêu cầu về tính độc lập đối với thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị;
 - e) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - f) Vi phạm nghiêm trọng các quy định về công khai các lợi ích liên quan, chống xung đột lợi ích hoặc nghĩa vụ liên quan khác đối với người quản lý, điều hành;
 - g) Vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Ngân hàng Nhà nước, của Điều lệ này trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao; có hành vi cố ý vi phạm vì động cơ cá nhân vụ lợi, gây thiệt hại cho ABBANK;
 - h) Cố ý che giấu hoặc cung cấp thông tin cá nhân sai sự thật gửi cho ABBANK với tư cách là ứng viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc;
 - i) Khi cơ quan có thẩm quyền bầu, bổ nhiệm xét thấy cần thiết;
 - j) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc sau khi bị miễn nhiệm, bãi nhiệm vẫn phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức danh đó.
3. Trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày thông qua quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm đối với các đối tượng theo quy định tại Khoản 1 Điều này, Hội đồng Quản trị ABBANK phải có văn bản kèm tài liệu liên quan báo cáo Ngân hàng Nhà nước.

Điều 26. Đình chỉ, tạm đình chỉ²⁹

- 1. Trường hợp ABBANK bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, Ban Kiểm soát đặc biệt do Ngân hàng Nhà nước thành lập có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác nếu xét thấy cần thiết.

²⁹ Điều 37 Luật các TCTD.

2. Trường hợp Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của ABBANK vi phạm quy định tại Điều 23 Điều lệ này, vi phạm quy định của pháp luật có liên quan trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao, Ngân hàng Nhà nước có quyền đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn, yêu cầu cơ quan có thẩm quyền miễn nhiệm, bầu, bổ nhiệm người thay thế hoặc chỉ định người thay thế của những đối tượng vi phạm này nếu xét thấy cần thiết.
3. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng Quản trị, Trưởng ban và các thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ABBANK có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quyết định của cơ quan bảo vệ pháp luật.
4. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát của ABBANK hoặc Ban Kiểm soát đặc biệt hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 27. Việc bầu, bổ nhiệm

1. Việc bầu, bổ nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ABBANK được thực hiện như sau:
 - a) Danh sách dự kiến những người được bầu, bổ nhiệm làm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ABBANK phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu, bổ nhiệm. Những người được bầu, bổ nhiệm cho các chức danh này phải thuộc danh sách đã được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận. Trình tự, thủ tục, hồ sơ đề nghị chấp thuận thực hiện theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
 - b) ABBANK phải thông báo cho Ngân hàng Nhà nước danh sách những người được bầu, bổ nhiệm quy định tại điểm a Khoản 1 Điều này trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc, kể từ ngày bầu, bổ nhiệm.³⁰
2. Việc đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện theo Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế Hoạt động của Ban Kiểm soát.
3. Cổ đông, nhóm cổ đông đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và ứng viên được đề cử phải hoàn tất hồ sơ, thủ tục theo thông báo và hướng dẫn của Hội đồng Quản trị để xin chấp thuận của Ngân hàng Nhà nước theo quy

³⁰ Điều 51 Luật các TCTD.

định của pháp luật.

4. Trường hợp ứng viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận để bầu, ABBANK phải công bố ngay các thông tin liên quan đến ứng viên trên trang thông tin điện tử của ABBANK để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Thông tin liên quan đến ứng viên được công bố bao gồm: họ tên, ngày, tháng, năm sinh; trình độ chuyên môn; quá trình công tác; các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh tại công ty khác); lợi ích có liên quan tới ABBANK và tới các bên có liên quan của ABBANK; các thông tin liên quan khác có trong hồ sơ ứng viên theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
5. Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương thực hiện theo quy định nội bộ của ABBANK và quy định của pháp luật có liên quan.
6. ABBANK thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin việc bầu, bổ nhiệm các chức danh quy định tại Điều này theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 28. Công khai các lợi ích có liên quan³¹

1. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và các chức danh tương đương của ABBANK phải công khai với ABBANK các thông tin sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp, tổ chức kinh tế mà mình và người có liên quan đứng tên sở hữu phần vốn góp, cổ phần hoặc ủy quyền, ủy thác cho cá nhân, tổ chức khác đứng tên từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ trở lên;
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, ngày cấp, nơi cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà mình và người có liên quan đang là thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc (Giám đốc).
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Khoản 2, Điều 164 Luật Doanh nghiệp; Khoản 3 Điều 291 và Điều 299 Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết

³¹ Điều 39 Luật Các TCTD, Khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp; Khoản 3 Điều 291 và Điều 299 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

thi hành một số điều của Luật Chứng khoán (ngoài phạm vi các trường hợp quy định tại điểm a và b Khoản này).

2. Việc công khai thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này và việc thay đổi, bổ sung thông tin liên quan phải được thực hiện bằng văn bản trong gian sớm nhất có thể nhưng trong mọi trường hợp không vượt quá 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi, bổ sung thông tin.
3. ABBANK phải công khai thông tin quy định tại Khoản 1 Điều này định kỳ hằng năm cho Đại hội đồng Cổ đông và được lưu giữ tại trụ sở chính của ABBANK, trường hợp cần thiết có thể lưu giữ một phần hoặc toàn bộ nội dung danh sách nói trên tại các chi nhánh của ABBANK.
4. ABBANK phải thông báo bằng văn bản cho Ngân hàng Nhà nước các thông tin quy định tại điểm a và điểm b Khoản 1 Điều này trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày ABBANK nhận được thông tin công khai theo quy định tại Khoản 2 Điều này³².
5. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của ABBANK đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về ABBANK.
6. ABBANK phải lập, cập nhật ngay khi có thay đổi danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, người điều hành và các chức danh quản lý khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và những người có liên quan của những người này. Danh sách này phải được công khai trong toàn hệ thống ABBANK và gửi trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính cho Ngân hàng Nhà nước³³.
7. ABBANK phải công khai trong hệ thống ABBANK và báo cáo cho:
 - a) Đại hội đồng Cổ đông các khoản cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng phát sinh đến thời điểm lấy số liệu để họp Đại hội đồng cổ đông;

³² Khoản 2 Điều 39 Luật Các TCTD

³³ Khoản 2 Điều 13 Thông tư 22/2019/TT-NHNN

- b) Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Ngân hàng Nhà nước về chế độ báo cáo thống kê các khoản cấp tín dụng cho đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng.³⁴

Điều 29. Nghĩa vụ trung thực, cẩn trọng, tránh xung đột lợi ích của người quản lý, kiểm soát và điều hành ABBANK³⁵

Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc và chức danh tương đương có nghĩa vụ:

1. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực và tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của ABBANK, cổ đông ABBANK phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ này với mức độ cẩn trọng cần thiết mà một người thông thường sẽ thực hiện khi ở vào ở vị trí, điều kiện và hoàn cảnh tương tự.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông và quy định của ABBANK.
3. Trung thành với lợi ích của ABBANK; chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của ABBANK; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của ABBANK có được nhờ chức vụ của mình hoặc lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của ABBANK để thu lợi cá nhân hoặc để phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác hoặc làm tổn hại tới lợi ích của ABBANK, cổ đông.
4. Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho ABBANK về quyền lợi có thể gây xung đột mà mình có được ở các tổ chức kinh tế, các giao dịch với tổ chức hoặc cá nhân khác và chỉ được tham gia vào giao dịch đó khi Hội đồng Quản trị đã xem xét và chấp thuận. Việc công khai các lợi ích có liên quan thực hiện theo quy định tại Điều 28 Điều lệ này và các quy định có liên quan của Luật Các tổ chức tín dụng và Luật Doanh nghiệp.
5. Không được cạnh tranh bất hợp pháp với ABBANK hoặc tạo điều kiện cho bên thứ ba gây tổn hại lợi ích của ABBANK; không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.
6. Không được tạo điều kiện để cá nhân mình hoặc người có liên quan của mình vay vốn, sử dụng các dịch vụ ngân hàng của ABBANK trái quy định hoặc với những điều kiện ưu đãi, thuận lợi hơn so với quy định chung của pháp luật và

³⁴ Khoản 3 Điều 127 Luật CTCTD và Khoản 3 Điều 13 Thông tư 22/2019/TT-NHNN;

³⁵ Điều 38 Luật các TCTD; Điều 165 Luật Doanh nghiệp; Khoản 2 và 5 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

của ABBANK.

7. Không được tăng lương, thù lao, trả thưởng khi ABBANK bị lỗ.
8. Công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 28 Điều lệ này và các quy định khác của pháp luật.
9. Các nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật.

Điều 30. Trách nhiệm và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và các thành viên khác của Ban Điều hành phải có nghĩa vụ chấp hành đúng các quy định pháp luật hiện hành, Điều lệ ABBANK và các quy chế nội bộ của ABBANK trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của mình và phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm nghĩa vụ của mình gây ra.
2. ABBANK bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật liên quan đối với công việc thuộc trách nhiệm được giao của lãnh đạo, cán bộ, nhân viên ABBANK với điều kiện những người này đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy chế của ABBANK. ABBANK có thể mua và duy trì bảo hiểm cho những người này đối với các trách nhiệm đó.
3. ABBANK bồi thường theo quy định của pháp luật đối với thiệt hại phát sinh trong quá trình thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện chức trách được giao với điều kiện thành viên Hội đồng Quản trị thực hiện đúng các quy định của pháp luật, Điều lệ này và các quy định nội bộ của ABBANK khi thi hành nhiệm vụ.
4. ABBANK có thể mua bảo hiểm trách nhiệm của Người quản lý, Người điều hành ABBANK nhưng bảo hiểm này không bao gồm thiệt hại liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ ABBANK³⁶.

Điều 31. Giao dịch phải được Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị chấp thuận³⁷

1. Ngoại trừ các trường hợp bị pháp luật cấm, các hợp đồng, giao dịch giữa ABBANK với các đối tượng sau đây phải được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận:
 - a) Cổ đông lớn của ABBANK và những người có liên quan của họ;

³⁶ Khoản 6 Điều 28 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

³⁷ Khoản 2 Điều 59 và Khoản 10 Điều 63 Luật các TCTD; Điều 167 Luật Doanh nghiệp; Khoản 4 Điều 291 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

- b) Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức sở hữu trên 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của ABBANK và những người có liên quan của họ;
 - c) Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác của ABBANK và những người có liên quan của họ;
 - d) Doanh nghiệp là công ty con, công ty liên kết của ABBANK;
 - e) Doanh nghiệp mà thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của ABBANK làm chủ, có sở hữu cổ phần, phần vốn góp hoặc doanh nghiệp mà những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của ABBANK làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% (mười phần trăm) vốn điều lệ;
2. Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại khoản 1 Điều này theo quy định cụ thể như sau:
- a) Hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều này có giá trị lớn hơn 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - b) Hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm e Khoản 1 Điều này có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên hoặc dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị từ 35% (ba mươi lăm phần trăm) trở lên tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.
- Hồ sơ trình Đại hội đồng Cổ đông phải kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc giải trình về nội dung chủ yếu của hợp đồng, giao dịch tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Cổ đông có liên quan không có quyền biểu quyết.
3. Hội đồng Quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều này theo quy định cụ thể sau đây:
- a) Hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm a, b, c, d Khoản 1 Điều này có giá trị tối đa 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - b) Hợp đồng, giao dịch quy định tại điểm e Khoản 1 Điều này có giá trị dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính

gần nhất và tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên dưới 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất.

Hồ sơ trình Hội đồng Quản trị phải kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc giải trình nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng Quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch theo quy định chung về thời hạn thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan không có quyền biểu quyết.

4. Trường hợp hợp đồng, giao dịch quy định tại Khoản 1 Điều này được ký kết, thực hiện mà chưa được Đại hội đồng Cổ đông hoặc Hội đồng Quản trị chấp thuận theo quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, thì hợp đồng, giao dịch đó bị vô hiệu và xử lý theo quy định của pháp luật. Những người tham gia ký kết, thực hiện các hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho ABBANK các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.
5. Khi tiến hành giao dịch với người có liên quan, ABBANK phải ký kết hợp đồng bằng văn bản theo nguyên tắc bình đẳng, tự nguyện; áp dụng các biện pháp cần thiết để ngăn ngừa cố đông và những người có liên quan tiến hành các giao dịch làm thất thoát vốn, tài sản hoặc các nguồn lực khác của ABBANK.³⁸

Điều 32. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác³⁹

1. Thù lao, tiền lương, tiền thưởng và lợi ích khác (sau đây gọi tắt là thù lao) của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được ABBANK chi trả trên cơ sở yêu cầu thực hiện chức trách, nhiệm vụ, chế độ làm việc, thời gian cần thiết hoàn thành nhiệm vụ, tình hình thực tế, kết quả và hiệu quả kinh doanh của ABBANK. Tổng mức thù lao của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên. Chủ tịch Hội đồng Quản trị thông báo mức thù lao và bảo đảm việc thực hiện chi trả thù lao, lợi ích khác của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với quy định tại Điều lệ này và quy định liên quan do Hội đồng Quản trị ban hành.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát được ABBANK thanh toán, chi trả các chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý và chi phí hợp lý khác theo quy định của ABBANK khi thực hiện nhiệm vụ được giao.

³⁸ Điều 292 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

³⁹ Điều 163 Luật Doanh nghiệp 2020.

3. Tiền lương, thưởng và các lợi ích khác của Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện theo quy định của ABBANK do Hội đồng Quản trị ban hành trong từng thời kỳ.
4. Thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của ABBANK theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Mục 2: CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 33. Cổ đông

1. Cổ đông là người sở hữu cổ phần ABBANK, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần mà họ nắm giữ. ABBANK phải có ít nhất 100 (một trăm) cổ đông và không hạn chế số lượng tối đa, trừ trường hợp ABBANK được kiểm soát đặc biệt đang thực hiện phương án chuyển giao bắt buộc theo quy định của Luật Các tổ chức tín dụng.
2. Cổ đông chỉ được công nhận chính thức khi thanh toán đủ tiền mua cổ phần và được ghi đầy đủ các thông tin liên quan vào Sổ đăng ký cổ đông của ABBANK.
3. Việc cử người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức tại ABBANK được thực hiện theo quy định dưới đây và các quy định pháp luật khác có liên quan⁴⁰:
 - a) Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh cổ đông đó thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
 - b) Cổ đông là tổ chức có sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông có thể ủy quyền tối đa 03 người đại diện theo ủy quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, số cổ phần sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền. Việc cử, chấm dứt hoặc thay đổi người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo bằng văn bản đến ABBANK và chỉ có hiệu lực đối với ABBANK kể từ ngày ABBANK nhận được thông báo. Văn bản ủy quyền phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

⁴⁰ Điều 14 Luật Doanh nghiệp

- Tên, số đăng ký/mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông;
 - Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của từng người đại diện theo ủy quyền;
 - Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền;
 - Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và của người đại diện theo ủy quyền.
- c) Người đại diện theo ủy quyền của cổ đông tổ chức phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - Không thuộc đối tượng không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp tại Việt Nam theo quy định tại Khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;
 - Cổ đông là doanh nghiệp Nhà nước theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp, không được cử người có quan hệ gia đình của người quản lý và của người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty làm người đại diện theo ủy quyền tại ABBANK.

Điều 34. Quyền của cổ đông⁴¹

1. Cổ đông có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông phổ thông có các quyền sau đây:
 - a) Tham dự và phát biểu ý kiến trong các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc theo hình thức khác do pháp luật quy định; mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;
 - b) Được nhận cổ tức theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Được ưu tiên mua cổ phần mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong ABBANK;
 - d) Xem xét, tra cứu và trích lục thông tin trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác;

⁴¹ Điều Điều 53 Luật TCTD; Điều 115 Luật Doanh nghiệp

- e) Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ ABBANK, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông;
 - f) Được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần sở hữu tại ABBANK khi ABBANK giải thể hoặc phá sản;
 - g) Được tự do chuyển nhượng cổ phần cho cổ đông khác của ABBANK hoặc tổ chức, cá nhân khác hoặc bán lại cổ phần cho ABBANK phù hợp với quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, pháp luật khác có liên quan và Điều lệ này;
 - h) Được ủy quyền bằng văn bản cho người khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình; người được ủy quyền không được ứng cử với tư cách của chính mình và chỉ được ủy quyền lại bằng văn bản cho người khác nếu được cổ đông đồng ý;
 - i) Được ứng cử, đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - j) Được đối xử bình đẳng; được tiếp cận đầy đủ thông tin định kỳ và thông tin bất thường do ABBANK công bố theo quy định của pháp luật;
 - k) Được bảo vệ các quyền, lợi ích hợp pháp của mình; đề nghị đình chỉ, hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật⁴²;
 - l) Các quyền khác theo quy định pháp luật, Điều lệ này.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên còn có các quyền sau đây⁴³:
- a) Xem xét, tra cứu, trích lục sổ biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban Kiểm soát, hợp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của ABBANK;
 - b) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp Hội đồng Quản trị vi phạm nghiêm trọng quyền của cổ đông, nghĩa vụ của người quản lý hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền được giao. Trong trường hợp này, yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung quy định tại Khoản 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Hội đồng Quản trị, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền;

⁴² Khoản 1 Điều 41 Luật Chứng khoán

⁴³ Điều 115 Luật Doanh nghiệp

- c) Yêu cầu Ban Kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của ABBANK khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản và phải bao gồm các nội dung sau đây: họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của ABBANK; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.
3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát. Việc đề cử người vào Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát được thực hiện theo quy định tại Khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp và các quy định khác tại Điều lệ này. Danh sách ứng cử viên phải được gửi tới Hội đồng Quản trị theo thời hạn do Hội đồng Quản trị quy định.
4. Cổ đông ưu đãi biểu quyết có các quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều 116 Luật Doanh nghiệp.
5. Cổ đông ưu đãi cổ tức có các quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều 117 Luật Doanh nghiệp.

Điều 35. Nghĩa vụ của cổ đông⁴⁴

1. Cổ đông của ABBANK phải thực hiện các nghĩa vụ sau:
- a) Thanh toán đủ số cổ phần cam kết mua trong thời hạn do ABBANK quy định; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của ABBANK trong phạm vi số vốn đã góp vào ABBANK;
- b) Không được rút vốn cổ phần đã góp ra khỏi ABBANK dưới mọi hình thức dẫn đến việc giảm vốn điều lệ của ABBANK, trừ trường hợp được ABBANK hoặc người khác mua lại cổ phần theo quy định tại Điều lệ này và quy định của pháp luật. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại Khoản này, cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong ABBANK phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của ABBANK trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra;
- c) Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp của nguồn vốn góp, mua, nhận chuyển nhượng cổ phần tại ABBANK; không sử dụng nguồn vốn do tổ

⁴⁴ Điều 54 Luật các TCTD; Điều 119 Luật Doanh nghiệp

chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài cấp tín dụng để mua, nhận chuyển nhượng cổ phần ABBANK; không được góp vốn, mua cổ phần ABBANK dưới tên của cá nhân, pháp nhân khác dưới mọi hình thức, trừ trường hợp ủy thác theo quy định của pháp luật⁴⁵;

- d) Tuân thủ Điều lệ và các quy chế quản lý nội bộ của ABBANK;
 - e) Chấp hành nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - f) Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh ABBANK dưới mọi hình thức để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật, tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - g) Bảo mật các thông tin được ABBANK cung cấp; chỉ sử dụng thông tin được cung cấp để thực hiện và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình; nghiêm cấm phát tán hoặc sao, gửi thông tin được ABBANK cung cấp cho tổ chức, cá nhân khác;
 - h) Cổ đông lớn không được lợi dụng ưu thế của mình gây ảnh hưởng đến các quyền, lợi ích của ABBANK, của các cổ đông khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ; có nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
 - i) Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
2. Cổ đông nhận ủy thác đầu tư cho tổ chức, cá nhân khác phải cung cấp cho ABBANK thông tin về chủ sở hữu thực sự của số cổ phần mà mình nhận ủy thác đầu tư trong ABBANK; ABBANK có quyền đình chỉ quyền cổ đông của các cổ đông này trong trường hợp phát hiện họ không cung cấp thông tin xác thực về chủ sở hữu thực sự các cổ phần.

Điều 36. Sổ đăng ký cổ đông và lập danh sách cổ đông để thực hiện quyền

1. Sổ đăng ký cổ đông:
 - a) ABBANK lập và lưu giữ sổ đăng ký cổ đông từ khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Sổ đăng ký cổ đông có thể là văn bản, tập dữ liệu điện tử hoặc cả hai loại này, để ghi nhận thông tin về sở hữu cổ phần của các cổ đông. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 2 Điều 122 Luật Doanh nghiệp.
 - b) Sổ đăng ký cổ đông được lưu giữ tại trụ sở chính của ABBANK hoặc tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng khoán Việt Nam khi cổ phần ABBANK được đăng ký, lưu ký tập trung tại Tổng Công ty Lưu ký và bù trừ Chứng

⁴⁵ Khoản 13 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng 2017.

khoán Việt Nam. ABBANK thực hiện nghĩa vụ báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước về danh sách cổ đông, cập nhật thay đổi số cổ phần sở hữu của cổ đông và các thông tin liên quan khác theo quy định của Ngân hàng Nhà nước. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu hoặc trích lục, sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông trong sổ đăng ký cổ đông trong giờ làm việc.

c) Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ cư trú thì phải thông báo kịp thời với ABBANK để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. ABBANK không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

2. Lập danh sách cổ đông để thực hiện quyền của cổ đông:

a) Việc lập danh sách cổ đông để thực hiện quyền của cổ đông được tiến hành theo quyết định của Hội đồng Quản trị.

b) Cổ đông có tên trong danh sách cổ đông tại thời điểm lập là người được hưởng các quyền, quyền lợi của cổ đông.

Điều 37. Vai trò của Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của ABBANK, thực hiện nhiệm vụ quyền hạn cụ thể quy định tại Điều 38 Điều lệ này.

2. Cổ đông là tổ chức có quyền cử một hoặc một số người đại diện theo uỷ quyền thực hiện các quyền cổ đông của mình theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 33 Điều lệ này.

Điều 38. Nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng Cổ đông⁴⁶

Đại hội đồng Cổ đông ABBANK có nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Thông qua định hướng phát triển của ABBANK;
2. Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ ABBANK;
3. Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát;
4. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát từng nhiệm kỳ; Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát phù hợp với các điều kiện và tiêu chuẩn quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan;

⁴⁶ Điều 59 Luật các TCTD; Điều 138 Luật Doanh nghiệp

5. Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và các lợi ích khác hàng năm đối với thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và ngân sách hoạt động của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
6. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho ABBANK và cổ đông của ABBANK;
7. Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy quản lý điều hành của ABBANK;
8. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ, phương án chào bán cổ phần; quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần theo đề xuất của Hội đồng Quản trị;
9. Thông qua việc mua lại cổ phần đã bán theo quy định pháp luật và Điều lệ này;
10. Thông qua phương án phát hành trái phiếu chuyển đổi;
11. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm; phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của ABBANK;
12. Thông qua báo cáo của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao;
13. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, chuyển nhượng phần vốn tại doanh nghiệp khác có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
14. Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của ABBANK có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
15. Quyết định các hợp đồng, giao dịch giữa ABBANK với người nội bộ, người có liên quan theo quy định tại Khoản 2 Điều 31 Điều lệ này;
16. Quyết định thành lập công ty con;
17. Quyết định tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản;
18. Quyết định giải pháp khắc phục biến động lớn về tài chính của ABBANK;
19. Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán độc lập; quyết định công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm tra hoạt động của ABBANK, miễn kiểm toán viên độc lập khi xét thấy cần thiết;
20. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 39. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông⁴⁷

1. Đại hội đồng Cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng Cổ đông có thể họp bất thường. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp và phải ở trên lãnh thổ Việt Nam.
2. Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong thời hạn 04 (bốn) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên có thể được gia hạn theo quyết định của Hội đồng Quản trị, nhưng không quá 06 (sáu) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Đại hội đồng Cổ đông thường niên thảo luận và thông qua các vấn đề sau đây:
 - a) Báo cáo tài chính năm được kiểm toán, kết quả kinh doanh và kế hoạch kinh doanh hằng năm của ABBANK;
 - b) Báo cáo của Hội đồng Quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, các thành viên Hội đồng Quản trị;
 - c) Báo cáo của Ban Kiểm soát về thẩm định tài chính, kết quả kinh doanh, kết quả hoạt động của Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Kiểm soát;
 - d) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - e) Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền.
3. Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng Cổ đông trong vòng 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu hoặc ngày xảy ra một trong các trường hợp sau:
 - a) Hội đồng Quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của ABBANK;
 - b) Số thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật và Điều lệ này hoặc số thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát còn lại không đủ 2/3 (hai phần ba) so với số lượng thành viên của nhiệm kỳ hiện tại;
 - c) Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của ABBANK trong thời hạn liên

⁴⁷ Điều 59 và 60 Luật các TCTD; Điều 139 Luật Doanh nghiệp; Điều 18 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

tục ít nhất 06 tháng⁴⁸.

- d) Theo yêu cầu bằng văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của ABBANK trong các trường hợp quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 34 Điều lệ này⁴⁹. Văn bản yêu cầu phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan.
- e) Theo yêu cầu của Ban Kiểm soát;
- f) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị và các thành viên Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho ABBANK.

- 4. Trường hợp Hội đồng Quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 3 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát thay thế Hội đồng Quản trị triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông.

Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định thì Ban Kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho ABBANK.

- 5. Trường hợp Ban Kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 4 Điều này thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm c, điểm d Khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.

- 6. Người triệu tập phải thực hiện các công việc sau đây để tổ chức Đại hội đồng Cổ đông:
 - a) Xác định thời gian và địa điểm họp;
 - b) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
 - c) Chuẩn bị chương trình và nội dung cuộc họp;

⁴⁸ Điểm c Khoản 1 Điều 59 Luật Các TCTD

⁴⁹ Điểm b Khoản 2, Khoản 3, 4 Điều 115 Luật Doanh nghiệp

- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
 - e) Dự thảo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - f) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp;
 - g) Thực hiện các công việc và trách nhiệm khác phục vụ cuộc họp theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
7. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Điều này được ABBANK hoàn trả.
8. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành theo hình thức họp mặt trực tiếp tại một hoặc một số địa điểm khác nhau kết nối qua hệ thống hội nghị truyền hình. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên hoặc bất thường có thể được tổ chức dưới hình thức họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử trong trường hợp tuân thủ yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền về phòng tránh dịch bệnh hoặc trong các hoàn cảnh đặc biệt khác. Việc tiến hành cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo hình thức họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử theo các nguyên tắc sau:
- a) Việc đăng ký, tham dự họp trực tuyến và bỏ phiếu điện tử của cổ đông phải được xác thực thông qua cách thức và phần mềm ứng dụng phù hợp;
 - b) Khi hệ thống phần mềm ứng dụng để tổ chức cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử nhận diện và xác thực được các thông tin đăng nhập của cổ đông thì coi như Cổ đông đó đã tham dự cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến và bỏ phiếu điện tử tại cuộc họp đó.
 - c) Cổ đông tự chuẩn bị thiết bị máy tính cá nhân/thiết bị di động, đường truyền internet để thiết lập kết nối đăng ký, tham dự họp và bỏ phiếu điện tử;
 - d) Mỗi cổ đông tham dự cuộc họp trực tuyến đều có thể nghe người dự họp khác phát biểu trong cuộc họp và có thể phát biểu với tất cả những người tham dự khác một cách đồng thời;
 - e) Địa điểm, thời gian cuộc họp trực tuyến được xác định là địa điểm, thời gian mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện trên lãnh thổ Việt Nam.
 - f) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến, dưới hình thức bỏ phiếu điện tử phù hợp với quy định tại Khoản này có hiệu lực và giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp trực tiếp thông thường.
 - g) Quyền dự họp của cổ đông, việc lập danh sách cổ đông dự họp, chương trình nội dung, tài liệu, thông báo mời họp, điều kiện tiến hành cuộc họp, thể thức

tiến hành họp và thông qua biểu quyết, biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trực tuyến áp dụng tương tự quy định tại các Điều từ Điều 40 đến Điều 46 Điều lệ này.

- h) Phiếu biểu quyết của cổ đông bỏ phiếu điện tử được hệ thống ứng dụng thực hiện kiểm phiếu và tổng hợp tự động; đồng thời được trích xuất thành tệp dữ liệu để lưu trữ cùng dữ liệu danh sách cổ đông dự họp.
- i) Hội đồng Quản trị công bố trên trang thông tin điện tử của ABBANK hướng dẫn đăng ký, tham dự cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử cùng thời điểm công bố thông báo triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 40. Quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông⁵⁰

1. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong trường hợp sau đây:
 - a) Cổ đông là cá nhân; cổ đông là tổ chức thông qua người đại diện quản lý phần vốn góp, người đại diện theo pháp luật (trong trường hợp cổ đông tổ chức chưa cử hoặc chưa cử đủ người đại diện quản lý cho toàn bộ phần vốn góp tại ABBANK) tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Cổ đông ủy quyền cho cá nhân, tổ chức khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Cổ đông tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Cổ đông gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.
2. Trường hợp cổ đông uỷ quyền cho nhiều hơn một người đại diện theo uỷ quyền tham dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thì phải xác định cụ thể số cổ phần được uỷ quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông là tổ chức đã có văn bản uỷ quyền cho người đại diện quản lý phần vốn góp theo quy định tại Điều 33 Điều lệ này thì người này đương nhiên là đại diện theo uỷ quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
3. Trừ trường hợp người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông là tổ chức đương nhiên là đại diện theo uỷ quyền tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều này, việc uỷ quyền cho người đại diện dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải lập thành văn bản phù hợp với quy định của pháp luật và phải có chữ ký theo quy định

⁵⁰ Điều 144 Luật Doanh nghiệp

sau đây:

- a) Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - b) Trường hợp người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện quản lý phần vốn góp của cổ đông là tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c) Trường hợp cổ đông tổ chức chưa cử hoặc chưa cử đủ người đại diện quản lý cho toàn bộ phần vốn góp tại ABBANK thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - d) Trường hợp luật sư hoặc tổ chức, cá nhân đã nhận uỷ quyền thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện tham dự họp thì việc chỉ định trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư, tổ chức, cá nhân nhận uỷ quyền (nếu trước đó chưa đăng ký với ABBANK) trong đó có nội dung được ủy quyền lại hoặc chỉ định tiếp cho người khác.
4. Người được ủy quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
5. Trừ trường hợp ABBANK đã nhận được thông báo về một trong các sự kiện dưới đây trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
- a) Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b) Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c) Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều 41. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông⁵¹

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của ABBANK, hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng

⁵¹ Điều 141 Luật Doanh nghiệp

khoản Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán về ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông (ngày chốt danh sách cổ đông) tối thiểu 20 (hai mươi) ngày trước ngày chốt danh sách dự kiến.

2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng Cổ đông.
3. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông được lập dựa trên số đăng ký cổ đông của ABBANK.
4. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
5. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao chép tên và địa chỉ liên lạc của cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng Cổ đông.

Điều 42. Chương trình và nội dung họp Đại hội đồng Cổ đông⁵²

1. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.
2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông của ABBANK có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng Cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến ABBANK chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
3. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông nếu từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này thì chậm nhất là 02 (hai) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông chỉ được từ chối kiến nghị nếu thuộc một trong các trường hợp sau đây:

⁵² Điều 142 Luật Doanh nghiệp

- a) Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Khoản 2 Điều này;
 - b) Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Vấn đề kiến nghị không đủ thời gian cần thiết để chuẩn bị hồ sơ, thủ tục hoặc xử lý theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - d) Kiến nghị không đủ căn cứ, chứng cứ cần thiết hoặc không vì lợi ích chung của ABBANK.
4. Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại Khoản 2 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng Cổ đông chấp thuận.

Điều 43. Thông báo triệu tập cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông⁵³

1. Thông báo triệu tập Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp, đồng thời được công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của ABBANK và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán, bảo đảm các yêu cầu:
 - a) Thời hạn chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp (tính từ ngày mà thông báo được gửi thành công qua thư điện tử (email) hoặc được chuyển giao cho tổ chức cung cấp dịch vụ bưu chính, chuyển phát hoặc ngày thông tin được công bố công khai);
 - b) Thông báo gửi cho cổ đông bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông (bao gồm địa chỉ thư điện tử nếu cổ đông có đăng ký); có đầy đủ nội dung tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp ABBANK; tên, số đăng ký sở hữu của cổ đông; thời gian, địa điểm họp và những yêu cầu khác đối với người dự họp;
 - c) Nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
2. Tài liệu cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của ABBANK phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có) và bao gồm:⁵⁴
 - a) Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;

⁵³ Điều 143 Luật Doanh nghiệp

⁵⁴ Khoản 3 Điều 18 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

- b) Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát;
 - c) Phiếu biểu quyết;
 - d) Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
 - e) Mẫu văn bản chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
3. Hội đồng Quản trị phải gửi thư mời đại diện tổ chức kiểm toán đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm của ABBANK dự họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên trong trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của ABBANK có các khoản ngoại trừ trọng yếu, ý kiến kiểm toán trái ngược hoặc từ chối. Đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận nêu trên có trách nhiệm tham dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên của ABBANK.

Điều 44. Điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng Cổ đông⁵⁵

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện từ 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trở lên.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba trong thời hạn 20 (hai mươi) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng Cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
4. Chỉ có Đại hội đồng Cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp theo quy định tại Điều 43 Điều lệ này.
5. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu tại Khoản 5 Điều 46 Điều lệ này chỉ có giá trị khi có tối thiểu 02 cổ đông (hoặc đại diện theo ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu 1/3 giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong thời hạn 30 ngày tiếp theo và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy

⁵⁵ Điều 145 Luật Doanh nghiệp

quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.⁵⁶

Điều 45. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng Cổ đông⁵⁷

1. Đăng ký dự họp:

- a) Trước giờ khai mạc cuộc họp, cổ đông, người được ủy quyền dự họp phải có mặt tại địa điểm họp đúng thời gian đã được thông báo để làm thủ tục đăng ký dự họp. Khoảng thời gian dành cho việc đăng ký thực hiện theo thông báo mời họp;
- b) Người đăng ký dự họp sau khi thực hiện xong thủ tục đăng ký được cấp thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử (nếu cuộc họp có nội dung bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát) trên đó có ghi thông tin số đăng ký, tên của cổ đông và số phiếu biểu quyết tương ứng với số cổ phần có quyền biểu quyết của cổ đông đó;
- c) Hết thời gian dành cho việc đăng ký, nếu đã đủ tỷ lệ tối thiểu để tiến hành cuộc họp, Chủ tọa có thể cho bắt đầu cuộc họp để bảo đảm tiến độ, không cần phải chờ đến khi có đầy đủ các cổ đông có quyền dự họp;
- d) Cổ đông hoặc người được ủy quyền dự họp đến sau khi cuộc họp đã khai mạc vẫn được đăng ký và có quyền tham gia biểu quyết các vấn đề ngay sau khi đăng ký. Trong trường hợp này, hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

2. Việc cử Chủ tọa, Thư ký và Ban Kiểm phiếu của cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông được quy định như sau:

- a) Chủ tịch Hội đồng Quản trị làm Chủ tọa hoặc ủy quyền cho thành viên Hội đồng Quản trị khác làm Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông do Hội đồng Quản trị triệu tập; trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại của Hội đồng Quản trị bầu một người trong số các thành viên Hội đồng Quản trị làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp Hội đồng Quản trị không bầu được người làm Chủ tọa thì Trưởng Ban Kiểm soát điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người

⁵⁶ Khoản 2 Điều 17 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

⁵⁷ Điều 146 Luật Doanh nghiệp

- có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
- b) Trừ trường hợp quy định tại điểm a Khoản này, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông điều hành để Đại hội đồng Cổ đông bầu Chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm Chủ tọa cuộc họp;
 - c) Chủ tọa cuộc họp có quyền chỉ định thêm những người khác là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc giúp Chủ tọa tham gia điều hành cuộc họp;
 - d) Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm Thư ký cuộc họp;
 - e) Đại hội đồng Cổ đông bầu Ban Kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp. Đại hội đồng Cổ đông có thể bầu một hoặc một số người chịu trách nhiệm giám sát kiểm phiếu khi cần thiết theo đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng Cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp. Đối với các vấn đề quy định tại điểm a, b và c Khoản 2 Điều 39 mà cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông bắt buộc phải xem xét tại cuộc họp thường niên theo quy định của pháp luật thì nội dung chương trình đó được đương nhiên thông qua trừ trường hợp 100% cổ đông tham dự cuộc họp biểu quyết không tán thành. Tất cả các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông
4. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết và hợp lý để điều hành cuộc họp một cách có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp:
- a) Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - b) Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
 - c) Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) cuộc họp.
- Người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
5. Đại hội đồng Cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề hoặc từng nhóm vấn đề trong nội dung chương trình cuộc họp. Đối với mỗi vấn đề biểu quyết, cổ đông có quyền lựa chọn một trong ba phương án biểu quyết là: tán thành, không tán thành và không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu được công bố trước khi bế mạc cuộc họp, trừ trường hợp được Đại hội đồng Cổ đông quyết định thời hạn khác.

Hình thức biểu quyết cụ thể như sau:

- a) Đối với các vấn đề nội dung nghị sự, cổ đông biểu quyết bằng cách ghi lựa chọn 1 trong 3 phương án biểu quyết: tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến tại phiếu biểu quyết;
 - b) Đối với việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, cổ đông biểu quyết bằng phiếu bầu cử theo phương thức bầu đôn phiếu;
 - c) Đối với các vấn đề thể thức cuộc họp như thông qua thành phần Ban Kiểm phiếu, thể lệ biểu quyết, chương trình nghị sự, biên bản cuộc họp, và các vấn đề khác, cổ đông biểu quyết bằng cách giơ Thẻ biểu quyết hoặc hình thức biểu quyết đơn giản khác theo 1 trong 3 lựa chọn tán thành, không tán thành hoặc không có ý kiến.
6. Trước và trong khi diễn ra cuộc họp, chủ tọa, người triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông có quyền:
- a) Yêu cầu tất cả người dự họp chịu sự kiểm tra, kiểm dịch hoặc các biện pháp cần thiết và hợp lý khác nhằm bảo đảm an ninh, an toàn và phòng chống dịch bệnh;
 - b) Yêu cầu cơ quan có thẩm quyền duy trì trật tự cuộc họp; trục xuất những người không tuân thủ quyền điều hành của chủ tọa, cố ý gây rối trật tự, ngăn cản tiến triển bình thường của cuộc họp hoặc không tuân thủ các yêu cầu về kiểm tra an ninh, an toàn, phòng chống dịch bệnh ra khỏi cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
7. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông đã có đủ số người đăng ký dự họp tối đa không quá 3 (ba) ngày làm việc kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc và chỉ được hoãn cuộc họp hoặc thay đổi địa điểm họp trong các trường hợp sau đây:
- a) Địa điểm họp không có đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b) Các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết;
 - c) Có người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
8. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng Cổ đông trái với quy định tại Điều này, Đại hội đồng Cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa điều hành cuộc họp cho đến lúc kết thúc và tất cả nghị quyết được thông qua tại cuộc họp đó đều có hiệu lực thi hành.

9. Trường hợp xét thấy cần thiết, Đại hội đồng Cổ đông có thể quyết định thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp khác với quy định tại Điều này.

Điều 46. Thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông

1. Đại hội đồng Cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, trừ trường hợp phải thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp quy định tại Khoản 2 Điều này.
2. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông⁵⁸:
 - a) Thông qua định hướng phát triển của ABBANK;
 - b) Quyết định số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát; bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát;
 - c) Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát gây thiệt hại cho ABBANK và cổ đông của ABBANK;
 - d) Quyết định tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu Tòa án mở thủ tục phá sản.
3. Quyết định của Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp được thông qua theo quy định sau đây:
 - a) Trừ trường hợp quy định tại điểm b và c Khoản 3 và Khoản 5 Điều này, nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 51% (năm mươi một phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành.
 - b) Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua khi được số cổ đông đại diện trên 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, đối với một số vấn đề sau⁵⁹:
 - (i) Thông qua phương án thay đổi mức vốn điều lệ; phương án chào bán, phát hành cổ phần, bao gồm loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ chào bán;
 - (ii) Quyết định đầu tư, mua, bán tài sản của ABBANK có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo

⁵⁸ Khoản 4 Điều 59 Luật Các TCTD; Khoản 2 Điều 147 Luật Doanh nghiệp

⁵⁹ Điểm c Khoản 3 Điều 59 Luật Các TCTD và Khoản 1 Điều 148 Luật Doanh nghiệp

cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.

- (iii) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ ABBANK;
 - (iv) Quyết định việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu tòa án mở thủ tục phá sản;
 - (v) Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - (vi) Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý ABBANK;
- c) Việc bầu thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần có quyền biểu quyết nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát. Cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên. Trường hợp có từ 2 (hai) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí do Đại hội đồng Cổ đông quyết định hoặc quy định tại quy chế bầu cử⁶⁰.
4. Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này⁶¹.
5. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp thông qua. Trường hợp nội dung Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông làm thay đổi bất lợi quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi thì chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% (bảy mươi lăm) tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành⁶².

Điều 47. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông⁶³

⁶⁰ Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp; điểm d Khoản 3 Điều 59 Luật Các TCTD

⁶¹ Khoản 2 Điều 152 Luật Doanh nghiệp

⁶² Khoản 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp; Khoản 1 Điều 17 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

⁶³ Điều 149 Luật Doanh nghiệp

1. Trừ các trường hợp bắt buộc phải thông qua biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định tại Khoản 2 Điều 46 Điều lệ này, Hội đồng Quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông để thông qua quyết định của Đại hội đồng Cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của ABBANK.
2. Hội đồng Quản trị phải bảo đảm thực hiện công bố thông tin theo quy định, lập danh sách cổ đông, chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, các tài liệu giải trình và gửi đến địa chỉ liên lạc của cổ đông chậm nhất 10 (mười) ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến bằng phương thức bảo đảm, đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của ABBANK.
3. Văn bản lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ABBANK;
 - b) Mục đích lấy ý kiến;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - f) Thời hạn phải gửi về ABBANK phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - g) Họ tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo pháp luật hoặc người đại diện theo uỷ quyền của cổ đông là tổ chức.
5. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến ABBANK bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:
 - a) Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b) Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về ABBANK phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;
 - c) Các phiếu lấy ý kiến gửi về ABBANK sau thời hạn đã xác định trong phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

6. Hội đồng Quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến, giám sát của Ban Kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý ABBANK. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ABBANK;
 - b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e) Các quyết định đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu.
7. Các thành viên Hội đồng Quản trị, người giám sát kiểm phiếu và người kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.
8. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu bảo đảm điều kiện tỷ lệ tối thiểu tương ứng quy định tại điểm a hoặc điểm b Khoản 3, Khoản 5 Điều 46 Điều lệ này tùy theo nội dung vấn đề cần biểu quyết. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông.
9. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu, tất cả các nghị quyết, quyết định phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước, cổ đông ABBANK và được công bố thông tin theo quy định hiện hành. Việc gửi nghị quyết, biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông cho cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của ABBANK.
10. Việc lấy ý kiến cổ đông có thể được thực hiện dưới hình thức bỏ phiếu điện tử do Hội đồng Quản trị quyết định theo các quy định sau đây:
 - a) Bảo đảm các nguyên tắc quy định tại điểm a, b, c, f, g, h Khoản 8 Điều 39 Điều lệ này;
 - b) Bảo đảm các yêu cầu tương tự về xin ý kiến cổ đông bằng văn bản quy định tại Khoản 1, 2, 3, 6, 7, 8 và 9 Điều này;

- c) Việc lấy ý kiến cổ đông bằng hình thức bỏ phiếu điện tử theo quy định tại Khoản này có giá trị như việc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản. Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng hình thức bỏ phiếu điện tử có giá trị như được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
- d) Hội đồng Quản trị công bố trên trang thông tin điện tử của ABBANK hướng dẫn việc thực hiện lấy ý kiến bằng hình thức bỏ phiếu điện tử cùng thời điểm thông báo lấy ý kiến cổ đông.

Điều 48. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông⁶⁴

1. Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp của ABBANK;
 - b) Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - c) Chương trình và nội dung cuộc họp;
 - d) Họ, tên Chủ tọa và Thư ký;
 - e) Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Đại hội đồng Cổ đông về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - f) Số cổ đông và số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần, số phiếu biểu quyết tương ứng;
 - g) Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h) Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i) Họ, tên, chữ ký của Chủ tọa và Thư ký.

Trường hợp Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại Khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc Chủ tọa, Thư ký từ chối ký biên bản họp.

⁶⁴ Điều 150 Luật Doanh nghiệp

2. Biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được lập bằng tiếng Việt và có thể được lập bằng cả tiếng nước ngoài. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung Biên bản bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản được lập bằng tiếng Việt có hiệu lực ưu tiên áp dụng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi bế mạc cuộc họp.
4. Chủ toạ và Thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
5. Tất cả các nghị quyết, biên bản cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông phải được gửi đến Ngân hàng Nhà nước, cổ đông ABBANK trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày bế mạc cuộc họp; đồng thời phải được công bố thông tin theo quy định hiện hành. Việc gửi nghị quyết, biên bản cuộc họp cho cổ đông có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của ABBANK.

Điều 49. Yêu cầu huỷ bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông⁶⁵

1. Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm có hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng Cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu từ 5% (năm phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, huỷ bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - a) Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng Cổ đông vi phạm nghiêm trọng Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp, trừ trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 46 Điều lệ này;
 - b) Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

**Mục 3:
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Điều 50. Chức năng, nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng Quản trị ⁶⁶

⁶⁵ Điều 147 Luật Doanh nghiệp

⁶⁶ Điều 43, 62 Luật Các tổ chức tín dụng, Điều 25 Thông tư 40/2011/TT-NHNN, điểm b Khoản 3 Điều 41 Luật Chứng khoán, Điều 154 Luật Doanh nghiệp

1. Hội đồng Quản trị là cơ quan quản lý ABBANK, có toàn quyền nhân danh ABBANK để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của ABBANK, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông; bảo đảm hoạt động của ABBANK tuân thủ quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của ABBANK.
2. Hội đồng Quản trị có tối thiểu 5 (năm) thành viên và tối đa 11 (mười một) thành viên; số lượng thành viên cụ thể do Đại hội đồng Cổ đông quyết định. Tối thiểu 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên Hội đồng Quản trị phải là người không điều hành và thành viên độc lập. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng Quản trị phải đảm bảo quy định sau:
 - a) Có tối thiểu 01 thành viên độc lập trong trường hợp ABBANK có 05 thành viên Hội đồng Quản trị;
 - b) Có tối thiểu 02 thành viên độc lập trong trường hợp ABBANK có số thành viên Hội đồng Quản trị từ 06 đến 08 thành viên;
 - c) Có tối thiểu 03 thành viên độc lập trong trường hợp ABBANK có số thành viên Hội đồng quản trị từ 09 đến 11 thành viên.⁶⁷
3. Cá nhân và người có liên quan của cá nhân đó hoặc những người là người đại diện vốn góp của một tổ chức và người có liên quan của những người này được tham gia Hội đồng Quản trị, nhưng không được chiếm quá 1/3 (một phần ba) tổng số thành viên của Hội đồng Quản trị, trừ trường hợp là người đại diện phần vốn góp của Nhà nước.
4. Nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị là 5 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị theo nhiệm kỳ của Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế, trừ trường hợp một cá nhân không được làm thành viên độc lập Hội đồng Quản trị trong 02 nhiệm kỳ liên tục nhằm tuân thủ quy định tại điểm e Khoản 2 Điều 51 Điều lệ này. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng Quản trị được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ Hội đồng Quản trị. Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng Quản trị của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Trường hợp số thành viên Hội đồng Quản trị không đủ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, ABBANK phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định.

⁶⁷ Khoản 4 Điều 277 Nghị định 155/2020/NĐ-CP và Khoản 3 Điều 26 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

6. Trường hợp cổ đông cá nhân nước ngoài hoặc đại diện của cổ đông tổ chức nước ngoài tham gia Hội đồng Quản trị phải có thêm các điều kiện sau đây:
 - a) Tuân thủ quy định về những trường hợp cấm đảm nhiệm chức vụ, không cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định của pháp luật có liên quan và quy định tại Điều lệ này;
 - b) Không giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị ABBANK.
7. Hội đồng Quản trị sử dụng bộ máy điều hành và con dấu của ABBANK để thực hiện nhiệm vụ của mình. Hội đồng quản trị có thể thuê dịch vụ tư vấn bên ngoài (kể cả chuyên gia nước ngoài) để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của mình.
8. Giúp việc cho Hội đồng Quản trị có Văn phòng Hội đồng Quản trị, các chức danh Thư ký công ty và Người phụ trách quản trị công ty theo quy định của pháp luật. Chức năng, nhiệm vụ cụ thể của bộ máy giúp việc cho Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị quy định.
9. Hội đồng Quản trị được thành lập các Ủy ban để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của mình, cụ thể như sau:
 - a) Hội đồng Quản trị phải thành lập tối thiểu Ủy ban Quản lý rủi ro, Ủy ban Nhân sự và quy định cơ chế phán quyết đối với các ý kiến đề xuất của hai Ủy ban này. Một ủy ban phải có tối thiểu 3 (ba) thành viên gồm Chủ nhiệm Ủy ban là thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên khác do Hội đồng Quản trị quyết định, bổ nhiệm, miễn nhiệm. Một thành viên Hội đồng Quản trị chỉ được là Chủ nhiệm của một Ủy ban. Ủy ban Quản lý rủi ro phải có tối thiểu một thành viên là thành viên độc lập của Hội đồng Quản trị. Mỗi Ủy ban phải có ít nhất trên 1/2 (một phần hai) số thành viên có quyền biểu quyết là thành viên không phải người điều hành⁶⁸;
 - b) Hội đồng Quản trị quy định quy chế làm việc và chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Ủy ban của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước và pháp luật có liên quan. Các Ủy ban của Hội đồng Quản trị có thể thuê dịch vụ tư vấn bên ngoài để tổ chức thực hiện các nhiệm vụ của mình theo quy chế làm việc của các Ủy ban do Hội đồng Quản trị ban hành.

Điều 51. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng Quản trị⁶⁹

1. Thành viên Hội đồng Quản trị phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

⁶⁸ Khoản 1 Điều 9 Thông tư 13/2018/TT-NHNN

⁶⁹ Điều 50 Luật các TCTD

- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ hoặc không được cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Điều lệ này;
 - c) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 28 và Điều 29 Điều lệ này;
 - d) Có bằng đại học trở lên;
 - e) Có ít nhất 3 (ba) năm là người quản lý, người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 5 (năm) năm là người quản lý, người điều hành của doanh nghiệp hoạt động trong ngành tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc của doanh nghiệp khác có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng hoặc có ít nhất 5 (năm) năm làm việc trực tiếp tại bộ phận nghiệp vụ về tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán.⁷⁰
2. Đối với thành viên độc lập Hội đồng Quản trị, ngoài những tiêu chuẩn nêu tại Khoản 1 Điều này, còn phải đáp ứng các điều kiện sau:
- a) Không phải là người đang làm việc cho ABBANK hoặc công ty con của ABBANK hoặc đã làm việc cho ABBANK hoặc công ty con của ABBANK bất kỳ thời gian nào trong 3 (ba) năm liền kề trước đó.
 - b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao thường xuyên của ABBANK ngoài những khoản thù lao, phụ cấp của thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;
 - c) Không phải là người có vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em và vợ chồng của những người này là cổ đông lớn của ABBANK, người quản lý hoặc thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK hoặc công ty con của ABBANK;
 - d) Không trực tiếp, gián tiếp sở hữu hoặc đại diện sở hữu từ 1% (một phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ABBANK; không cùng người có liên quan sở hữu từ 5% (năm phần trăm) vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của ABBANK;
 - e) Không phải là người quản lý, thành viên Ban Kiểm soát của ABBANK tại bất kỳ thời điểm nào trong 5 (năm) năm liền kề trước đó.

Điều 52. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị⁷¹

⁷⁰ Khoản 1 Điều 50 Luật Các TCTD.

⁷¹ Điều 63 Luật Các TCTD; Thông tư 21/2013/TT-NHNN; Điều 149 Luật Doanh nghiệp

Hội đồng Quản trị có các nhiệm vụ và quyền hạn sau đây:

1. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của ABBANK.
2. Chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
3. Quyết định cơ cấu tổ chức của ABBANK; quyết định việc thành lập, đóng cửa, chấm dứt hoạt động của Chi nhánh, Phòng giao dịch, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp và quyết định việc sửa đổi, bổ sung các nội dung liên quan tới việc hoạt động của Chi nhánh, Phòng Giao dịch, Văn phòng đại diện, Đơn vị sự nghiệp của ABBANK.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, ký kết hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, người quản lý, người điều hành khác hoặc chức danh khác theo quy định nội bộ do Hội đồng Quản trị ban hành.
5. Thông qua phương án góp vốn, mua cổ phần tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác, phương án chuyển nhượng vốn đầu tư ra bên ngoài có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.
6. Cử người đại diện vốn góp của ABBANK tại doanh nghiệp, tổ chức tín dụng khác.
7. Quyết định đầu tư, giao dịch mua, bán tài sản, có giá trị từ 10% (mười phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính gần nhất trên cơ sở đảm bảo các quy định về an toàn trong hoạt động của ABBANK, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông quy định tại Khoản 2 Điều 31 Điều lệ này; quy định việc phân cấp, phân quyền hạn mức phê duyệt cho các cấp dưới đối với các giao dịch đầu tư, mua, bán tài sản có giá trị dưới 10% (mười phần trăm) so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
8. Thông qua việc phát hành trái phiếu (trừ trái phiếu chuyển đổi); Quyết định các giao dịch ABBANK đi vay và các giao dịch khác (trừ giao dịch đi vay liên ngân hàng) có giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính gần nhất và quy định việc phân cấp, phân quyền cho các cấp dưới quyết định các giao dịch vay và các giao dịch khác có giá trị dưới 20% (hai mươi phần trăm) so với vốn điều lệ của ABBANK ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.
9. Quyết định các hợp đồng, giao dịch với người nội bộ, người có liên quan theo

quy định tại Khoản 3 Điều 31 Điều lệ này.

10. Quy định việc phân cấp, phân quyền phê duyệt tín dụng của các cấp phê duyệt tại ABBANK trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc phải do Hội đồng Quản trị quyết định theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
11. Phê duyệt cấp tín dụng cho các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 127 Luật Các tổ chức tín dụng⁷²; cấp tín dụng cho người điều hành, các chức danh quản lý khác và những người có liên quan của những người này trừ các trường hợp không được cấp tín dụng quy định tại Điều 126 Luật Các tổ chức tín dụng⁷³; quyết định các khoản cấp tín dụng theo quy định tại khoản 7 Điều 128 của Luật Các tổ chức tín dụng, trừ các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định tại Khoản 15 Điều 38 Điều lệ này⁷⁴.
12. Quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập theo ủy quyền của Đại hội đồng Cổ đông hoặc lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập trong danh sách đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua để kiểm toán báo cáo tài chính của ABBANK. Trường hợp Hội đồng Quản trị gia hạn tổ chức cuộc họp thường niên Đại hội đồng Cổ đông sau 4 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính thì Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập sau đó trình Đại hội đồng Cổ đông phê chuẩn quyết định này.
13. Kiểm tra, giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc trong việc thực hiện nhiệm vụ được phân công; đánh giá hàng năm về hiệu quả làm việc của Tổng Giám đốc.
14. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị ABBANK, Quy chế Hoạt động của Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông thông qua và ban hành các Quy chế này sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua; Ban hành các Quy chế, quy định nội bộ khác phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ này⁷⁵.
15. Quyết định chính sách quản lý rủi ro và giám sát việc thực thi các biện pháp phòng ngừa rủi ro của ABBANK.
16. Xem xét, phê duyệt và công bố báo cáo thường niên.
17. Lựa chọn tổ chức định giá chuyên nghiệp để định giá tài sản góp vốn không phải là tiền Việt Nam, ngoại tệ tự do chuyển đổi, vàng theo quy định của pháp luật.
18. Trình Thống đốc Ngân hàng Nhà nước chấp thuận các vấn đề theo quy định của pháp luật.

⁷² Khoản 1 và 3 Điều 127 Luật CTCTD

⁷³ Khoản 2 và 4 Điều 13 Thông tư 22/2019/TT-NHNN

⁷⁴ Khoản 9 Điều 63 Luật Các TCTD

⁷⁵ Khoản 2 Điều 270, Khoản 4 và Khoản 6 Điều 278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điểm q Khoản 2 Điều 27 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

19. Kiến nghị việc tổ chức lại, giải thể hoặc yêu cầu phá sản.
20. Quyết định chào bán cổ phần mới trong phạm vi số cổ phần được quyền chào bán của từng loại.
21. Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu chuyển đổi của ABBANK.
22. Quyết định mua lại cổ phần của ABBANK theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.
23. Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Đại hội đồng Cổ đông.
24. Kiến nghị phương án phân phối lợi nhuận, mức cổ tức được trả; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức hoặc xử lý lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh.
25. Chuẩn bị nội dung, tài liệu liên quan để trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, trừ những nội dung thuộc chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát.
26. Duyệt chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị; chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng Cổ đông; triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông.
27. Tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc của Hội đồng Quản trị.
28. Thông báo kịp thời cho Ngân hàng Nhà nước thông tin ảnh hưởng tiêu cực đến tư cách thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc.
29. Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
30. Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ.
31. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp thường niên về thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.⁷⁶
32. Tổ chức đào tạo, tập huấn về quản trị và các kỹ năng cần thiết cho thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác của ABBANK.⁷⁷
33. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 53. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội đồng Quản trị⁷⁸

⁷⁶ Khoản 9 Điều 278 và Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Khoản 3 Điều 27 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

⁷⁷ Khoản 8 Điều 278 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

⁷⁸ Điều 64 Luật các TCTD; Điều 156 Luật Doanh nghiệp; Điều 29 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị do Hội đồng Quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số thành viên Hội đồng Quản trị đã được Đại hội đồng Cổ đông bầu ra.
2. Chủ tịch Hội đồng Quản trị có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng Quản trị;
 - b) Chuẩn bị hoặc tổ chức việc chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ trì cuộc họp Hội đồng Quản trị;
 - c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị;
 - d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị; bảo đảm hoạt động của Hội đồng Quản trị được đánh giá và báo cáo Đại hội đồng cổ đông hàng năm theo quy định của Điều lệ này và pháp luật;
 - e) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông;
 - f) Đảm bảo các thành viên Hội đồng Quản trị nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Hội đồng Quản trị phải xem xét;
 - g) Phân công nhiệm vụ cho các thành viên Hội đồng Quản trị; giám sát các thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện các công việc được phân công và các nhiệm vụ, quyền hạn chung; đánh giá hiệu quả làm việc của từng thành viên, các Ủy ban của Hội đồng Quản trị tối thiểu mỗi năm một lần và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả đánh giá này;
 - h) Thực hiện các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị giao hoặc uỷ quyền theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông; nghị quyết hoặc quy định nội bộ do Hội đồng Quản trị ban hành;
 - i) Bảo đảm các thành viên của Hội đồng Quản trị tham gia vào các chương trình đào tạo kỹ năng quản trị doanh nghiệp khi cần thiết;
 - j) Giải quyết các tranh chấp nội bộ theo Điều lệ này;
 - k) Bảo đảm hiệu quả hoạt động của người quản lý và điều hành của Ngân hàng được đánh giá định kỳ;
 - l) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt thì uỷ quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Nếu Phó Chủ tịch Hội đồng Quản trị cũng vắng mặt

thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho một thành viên khác của Hội đồng Quản trị thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc các trường hợp khác Chủ tịch Hội đồng Quản trị không có khả năng thực hiện nhiệm vụ quy định tại Khoản 4 Điều 156 Luật Doanh nghiệp thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng Quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng Quản trị.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng Quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 (mười) ngày làm việc kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Điều 54. Nhiệm vụ, quyền hạn của thành viên Hội đồng Quản trị⁷⁹

1. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị:
 - a) Cùng với các thành viên khác của Hội đồng Quản trị, quản trị ABBANK theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - b) Thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng Quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của ABBANK và phân công của Chủ tịch Hội đồng Quản trị một cách trung thực vì lợi ích của ABBANK và cổ đông ABBANK;
 - c) Nghiên cứu báo cáo tài chính do kiểm toán viên độc lập chuẩn bị, có ý kiến hoặc yêu cầu người điều hành ABBANK, kiểm toán viên độc lập và kiểm toán viên nội bộ giải trình các vấn đề có liên quan đến báo cáo;
 - d) Tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị; thảo luận và biểu quyết về tất cả các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng Quản trị, trừ trường hợp là người có liên quan không được biểu quyết theo quy định của Điều lệ này. Chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông và trước Hội đồng Quản trị về những quyết định của mình;
 - e) Triển khai thực hiện các quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
 - f) Có trách nhiệm giải trình trước Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ được giao khi được yêu cầu;
 - g) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng Quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác có liên quan;
 - h) Báo cáo, thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của ABBANK theo quy định của pháp luật;

⁷⁹ Điều 65 Luật các TCTD; Khoản 5 Điều 41 Luật Chứng khoán

- i) Các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định của pháp luật có liên quan.
2. Quyền hạn của thành viên Hội đồng Quản trị:
- a) Bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - b) Yêu cầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập cuộc họp Hội đồng Quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này;
 - c) Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường theo quy định tại Điều lệ này;
 - d) Yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng giám đốc hoặc những người quản lý khác của ABBANK cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của ABBANK và của các đơn vị trong ABBANK. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác các thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng Quản trị⁸⁰;
 - e) Các quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 55. Thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị⁸¹

1. Hội đồng Quản trị thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị. Mỗi thành viên Hội đồng Quản trị có một phiếu biểu quyết. Đối với vấn đề mà thành viên Hội đồng Quản trị là người liên quan thì thành viên đó không có quyền biểu quyết; đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên khác của Hội đồng Quản trị để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
2. Trừ các trường hợp quy định tại Khoản 3 Điều này, quyết định của Hội đồng Quản trị được thông qua nếu được đa số phiếu của thành viên có quyền biểu quyết tán thành. Trường hợp số phiếu biểu quyết ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc Chủ tọa cuộc họp (trong trường hợp Chủ tịch Hội đồng Quản trị vắng mặt và không gửi ý kiến biểu quyết trước).
3. Quyết định của Hội đồng Quản trị trong các trường hợp sau đây được thông qua theo nguyên tắc đồng thuận của tất cả các thành viên có quyền biểu quyết:
 - a) Thông qua Hợp đồng, giao dịch giữa ABBANK với bất cứ bên liên quan nào

⁸⁰ Điều 159 Luật Doanh nghiệp

⁸¹ Điều 157 Luật Doanh nghiệp

theo quy định tại Khoản 3 Điều 31 Điều lệ này, trừ các hợp đồng nhỏ có thời hạn dưới 1 (một) năm và được thoả thuận trên cơ sở bình đẳng theo các điều kiện thương mại thông thường. Trong trường hợp này, thành viên có liên quan không có quyền biểu quyết;

- b) Thông qua sửa đổi kế hoạch kinh doanh hàng năm của ABBANK (đã được phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được Đại hội đồng Cổ đông uỷ quyền cho Hội đồng Quản trị xem xét điều chỉnh khi cần);
 - c) Phê duyệt nghĩa vụ thanh toán ngoại lệ so với các quy định trong kinh doanh của ABBANK mà không thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng Cổ đông theo quy định của Điều lệ này đối với nghĩa vụ thanh toán bằng tiền mặt hay phương thức khác có tổng giá trị vượt quá 5% (năm phần trăm) tổng vốn chủ sở hữu của ABBANK trong năm tài chính đó;
 - d) Huỷ bỏ việc lựa chọn hoặc thay thế tổ chức kiểm toán độc lập theo phân quyền, uỷ quyền của Đại hội đồng Cổ đông.
4. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng Quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông, Điều lệ này, gây thiệt hại cho ABBANK thì các thành viên đồng ý thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân và phải đền bù thiệt hại cho ABBANK; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của ABBANK có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên⁸².

Điều 56. Thể thức họp Hội đồng Quản trị⁸³

1. Cuộc họp đầu tiên của Hội đồng Quản trị được tiến hành trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng Quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng Quản trị. Tại cuộc họp này, Hội đồng Quản trị bầu Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
2. Hội đồng Quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường do Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập khi xét thấy cần thiết nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một lần.
3. Hội đồng Quản trị tiến hành họp bất thường trong các trường hợp sau:

⁸² Khoản 4 Điều 153 Luật Doanh nghiệp

⁸³ Điều 157 Luật Doanh nghiệp; Điều 30 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

- a) Theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng Quản trị khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của ABBANK;
- b) Có đề nghị của Ban Kiểm soát;
- c) Có đề nghị của ít nhất 1 (một) thành viên độc lập Hội đồng Quản trị hoặc 2 (hai) thành viên Hội đồng Quản trị;
- d) Có đề nghị của Tổng Giám đốc hoặc ít nhất 5 (năm) người quản lý khác của ABBANK;
- e) Trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

Đề nghị họp Hội đồng Quản trị bất thường quy định tại điểm b, c và d Khoản này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải triệu tập họp Hội đồng Quản trị trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại điểm b, c và d Khoản này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng Quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng Quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với ABBANK; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng Quản trị triệu tập họp Hội đồng Quản trị.

4. Hội đồng Quản trị tiến hành họp trực tiếp với sự có mặt của thành viên Hội đồng Quản trị hoặc hình thức họp trực tuyến. Trường hợp họp trực tuyến phải phù hợp với quy định sau đây:
 - a) Cuộc họp trực tuyến có thể được tiến hành thông qua việc sử dụng ứng dụng công nghệ và hệ thống internet, điện thoại, cầu truyền hình, các hình thức liên lạc điện tử khác giữa các thành viên của Hội đồng Quản trị, các nhóm thành viên Hội đồng Quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau.
 - b) Cuộc họp trực tuyến phải bảo đảm điều kiện mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - (i) Nghe từng thành viên khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - (ii) Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.
 - c) Thành viên Hội đồng Quản trị tham gia cuộc họp Hội đồng Quản trị dưới hình thức trực tuyến quy định tại Khoản này được coi là có mặt tại cuộc họp đó.

- d) Địa điểm, thời gian cuộc họp trực tuyến được xác định là địa điểm, thời gian mà nhóm thành viên Hội đồng Quản trị đông nhất tập họp lại, nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm, thời gian của cuộc họp được xác định theo nơi Chủ tọa cuộc họp hiện diện.
- e) Các quyết định được thông qua trong cuộc họp trực tuyến được tổ chức và tiến hành theo quy định tại Khoản này có hiệu lực và giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp trực tiếp thông thường. Các thành viên Hội đồng Quản trị có trách nhiệm ký xác nhận Biên bản họp Hội đồng Quản trị để hoàn thiện hồ sơ cuộc họp theo quy định sau khi cuộc họp trực tuyến kết thúc.
5. Khi triệu tập họp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập họp phải gửi thông báo mời họp chậm nhất 03 (ba) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo họp Hội đồng Quản trị có các thông tin về cách thức họp, thời gian, địa điểm họp, nội dung các vấn đề thảo luận và quyết định, kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp. Thông báo họp phải được gửi đi qua dịch vụ bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng Quản trị được đăng ký tại ABBANK để thành viên có thể nhận được một cách thuận tiện và nhanh nhất. Trường hợp họp gấp, người triệu tập họp có thể thông báo mời họp 01 (một) ngày làm việc trước ngày họp sau khi tham vấn nhanh và được các thành viên Hội đồng Quản trị đồng ý; các tài liệu họp trong trường hợp này có thể được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị ngay tại cuộc họp.
- Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng Quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.⁸⁴
6. Cuộc họp Hội đồng Quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 (ba phần tư) tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định Khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng Quản trị dự họp.
7. Thành viên Hội đồng Quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

⁸⁴ Khoản 7 Điều 155 Luật Doanh nghiệp, Khoản 7 Điều 30 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 8 Điều này;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
8. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng Quản trị. Thành viên Hội đồng Quản trị có thể ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận⁸⁵.
9. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị gửi ý kiến biểu quyết trước bằng văn bản, qua fax, thư điện tử thì phải được chuyển đến chủ tọa cuộc họp chậm nhất 1 (một) giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được công bố trước sự chứng kiến của những thành viên dự họp. Trường hợp thành viên Hội đồng Quản trị biểu quyết thông qua ứng dụng phần mềm bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác thì thực hiện theo quy định có liên quan của Hội đồng Quản trị về việc thông qua các quyết định của Hội đồng Quản trị.
10. Biên bản họp Hội đồng Quản trị⁸⁶:
- a) Nội dung cuộc họp Hội đồng Quản trị phải được ghi chép đầy đủ trong Biên bản họp Hội đồng Quản trị. Diễn biến chi tiết nội dung cuộc họp có thể được ghi hình, ghi âm để lưu giữ dưới hình thức điện tử kèm theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị. Biên bản họp Hội đồng Quản trị phải có các nội dung:
 - Tên, địa chỉ trụ sở chính, số Giấy phép/đăng ký kinh doanh ABBANK;
 - Mục đích, chương trình nội dung họp;
 - Thời gian, địa điểm họp;
 - Họ, tên từng thành viên Hội đồng Quản trị dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - Tóm tắt ý kiến của thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp (có thể được tập họp thành một văn bản đính kèm Biên bản cuộc họp);

⁸⁵ Khoản 11 Điều 157 Luật Doanh nghiệp

⁸⁶ Điều 158 Luật Doanh nghiệp

- Kết quả biểu quyết đối với các vấn đề cụ thể trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành, không có ý kiến và ý kiến khác (nếu có);
 - Tổng hợp các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
 - Họ, tên, chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản và các thành viên tham dự cuộc họp.
- b) Các thành viên dự họp có trách nhiệm ký tên xác nhận nội dung Biên bản họp. Các thành viên Hội đồng Quản trị cùng ký tên vào một văn bản Biên bản họp hoặc một/một số thành viên có thể ký tên vào các văn bản khác nhau của Biên bản họp nhưng có cùng nội dung. Trường hợp thành viên có mặt dự họp từ chối ký Biên bản thì phải ghi rõ lý do.
- c) Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng Quản trị tham dự họp và đồng ý thông qua biên bản họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại điểm a Khoản này thì Biên bản này có hiệu lực. *Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký Biên bản họp. Người ký Biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị. Chủ tọa, người ghi biên bản chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với ABBANK do từ chối ký Biên bản họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ này và pháp luật có liên quan.*⁸⁷
- d) Biên bản họp Hội đồng Quản trị được lập bằng tiếng Việt hoặc song ngữ Việt-Anh. Trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh về cùng một vấn đề thì nội dung bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
- e) Biên bản họp Hội đồng Quản trị được gửi cho các thành viên Hội đồng Quản trị. Việc gửi Biên bản họp Hội đồng Quản trị có thể được thực hiện bằng cách gửi trực tiếp, qua thư, fax, thư điện tử (email).

Điều 57. Thẻ thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng Quản trị quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị để thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị trong trường hợp:
 - a) Cần có quyết định của Hội đồng Quản trị trong thời gian giữa hai cuộc họp

⁸⁷ Được sửa đổi, bổ sung ngày 22/4/2022

Hội đồng Quản trị nhằm đáp ứng kịp thời yêu cầu quản trị và kinh doanh của ABBANK;

- b) Pháp luật về các tổ chức tín dụng, về chứng khoán và thị trường chứng khoán, về doanh nghiệp và Điều lệ ABBANK không yêu cầu bắt buộc thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
2. Việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị để thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị được thực hiện bằng hình thức văn bản, thư điện tử (email) hoặc phần mềm ứng dụng được ABBANK áp dụng trong từng thời kỳ. Việc gửi, nhận tài liệu, thông tin, ý kiến biểu quyết qua hình thức thư điện tử (email) hoặc phần mềm ứng dụng được ABBANK áp dụng có giá trị như việc gửi, nhận được thực hiện bằng văn bản thông thường.
3. Việc biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị bằng văn bản, bằng thư điện tử (email) hay phần mềm ứng dụng được ABBANK áp dụng có giá trị như biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng Quản trị. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Hội đồng Quản trị.
4. Văn bản tổng hợp ý kiến biểu quyết kèm theo tài liệu xin ý kiến các thành viên Hội đồng Quản trị có giá trị và được lưu giữ như Biên bản họp Hội đồng Quản trị.
5. Trình tự, thủ tục xin ý kiến thành viên Hội đồng Quản trị để thông qua quyết định của Hội đồng Quản trị theo quy định do Hội đồng Quản trị ban hành và áp dụng trong từng thời kỳ.

Điều 58. Thư ký công ty và Người phụ trách quản trị công ty⁸⁸

1. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng Quản trị tuyển dụng và bổ nhiệm chức danh Thư ký công ty theo quy định tại Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp để hỗ trợ Hội đồng Quản trị và Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Thư ký công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị; ghi chép các biên bản họp;
 - b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng Quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;
 - c) Hỗ trợ Hội đồng Quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

⁸⁸ Khoản 5 Điều 156 Luật Doanh nghiệp; Khoản 1 Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 32 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

- d) Hỗ trợ công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông;
 - e) Hỗ trợ công ty trong việc tuân thủ đúng các nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;
 - f) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Hội đồng Quản trị phải bổ nhiệm ít nhất 1 (một) Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị tại ABBANK. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty. Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của ABBANK. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
- a) Tư vấn Hội đồng Quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng Cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa ABBANK và cổ đông;
 - b) Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Đại hội đồng Cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị hoặc Ban Kiểm soát;
 - c) Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
 - d) Tham dự các cuộc họp;
 - e) Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng Quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
 - f) Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng Quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Kiểm soát;
 - g) Giám sát và báo cáo Hội đồng Quản trị về hoạt động công bố thông tin của ABBANK;
 - h) Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
 - i) Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK;
 - j) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Mục 4: BAN KIỂM SOÁT

Điều 59. Ban Kiểm soát⁸⁹

⁸⁹ Điều 44, 50 Luật các TCTD; Điều 168, 169 Luật Doanh nghiệp; Điều 286 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 37 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

1. Ban Kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động ABBANK nhằm đánh giá chính xác hoạt động kinh doanh, thực trạng tài chính của ABBANK. Ban Kiểm soát thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy định nội bộ và nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị.
2. Ban Kiểm soát của ABBANK có tối thiểu 3 thành viên, tối đa 5 thành viên; trong đó phải có ít nhất 1/2 (một phần hai) tổng số thành viên là chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại ABBANK hoặc doanh nghiệp khác. Ban Kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng Ban. Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách là thành viên làm việc thường xuyên tại ABBANK giữa các kỳ họp của Ban Kiểm soát và chịu trách nhiệm về một hoặc một số nhiệm vụ do Ban Kiểm soát phân công.
3. Ban Kiểm soát có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ và được sử dụng các nguồn lực của ABBANK, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện các nhiệm vụ của mình.
4. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 5 (năm) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.
5. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát không đủ 2/3 (hai phần ba) số lượng thành viên do Đại hội đồng Cổ đông quyết định hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày, kể từ ngày không đủ số lượng theo quy định, ABBANK phải tiến hành bổ sung đủ số lượng thành viên Ban Kiểm soát theo quy định.
6. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với thành viên Ban Kiểm soát:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ hoặc không được cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Điều lệ này;
 - c) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 28 và Điều 29 Điều lệ này;
 - d) Có bằng đại học trở lên về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh,

luật, kế toán, kiểm toán; có ít nhất 3 (ba) năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực ngân hàng, tài chính, kế toán hoặc kiểm toán;

- e) Không được giữ các chức vụ quản lý tại ABBANK;
- f) Không phải là người có liên quan, người có quan hệ gia đình của người quản lý ABBANK; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của ABBANK;
- g) Thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm;
- h) Không làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của ABBANK;
- i) Không là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của ABBANK trong 3 (ba) năm liền trước đó.

Điều 60. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm soát⁹⁰

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ ABBANK trong việc quản trị, điều hành ABBANK; giám sát tình hình tài chính của ABBANK. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng Cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của ABBANK; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của ABBANK, miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết.
3. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua. Ban hành quy định nội bộ của Ban Kiểm soát. Định kỳ hàng năm, xem xét lại quy định nội bộ của Ban Kiểm soát, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo.
4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và quy định của ABBANK; chịu trách nhiệm về các vấn đề liên quan đến bộ phận kiểm toán nội bộ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
5. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và

⁹⁰ Điều 45 Luật các TCTD; Điều 170 Luật Doanh nghiệp; Điều 288 Nghị định 155/2020/NĐ-CP; Điều 39 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

quyền được tiếp cận, cung cấp đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành ABBANK để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

6. Thẩm định báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm và hàng năm của ABBANK, bao gồm cả báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán độc lập. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính hàng năm, đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, đầy đủ, trung thực và mức độ cần trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. Ban Kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng Quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng Cổ đông.
7. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hàng năm của ABBANK, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng Quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông thường niên. rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông.
8. Kiểm tra sổ kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của ABBANK khi thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông lớn phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này. Ban Kiểm soát triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 7 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu của các đối tượng nêu trên. Trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban Kiểm soát phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng Quản trị và tổ chức, cá nhân có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban Kiểm soát quy định tại Khoản này không được cản trở, gây gián đoạn hoạt động bình thường trong việc quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của ABBANK.
9. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ ABBANK của thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng Quản trị trong vòng 48 (bốn mươi tám) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.
10. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn và những người có liên quan của thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của ABBANK, lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
11. Đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị triệu

tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ này;

12. Triệu tập họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của pháp luật, của Điều lệ này hoặc vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.
13. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và các cuộc họp khác của ABBANK.
14. Định kỳ hàng năm, Ban Kiểm soát phải chỉ đạo bộ phận Kiểm toán nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan về hệ thống kiểm soát nội bộ và thông báo cho Hội đồng Quản trị, Tổng giám đốc về hệ thống kiểm soát nội bộ, đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.
15. Phê duyệt chính sách kiểm toán nội bộ; phê duyệt và điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ trên cơ sở thảo luận với Tổng giám đốc và thống nhất với Chủ tịch Hội đồng Quản trị.
16. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động của ABBANK.
17. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của ABBANK.
18. Bảo đảm phối hợp hoạt động với Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
19. Báo cáo Đại hội đồng Cổ đông thường niên theo quy định của pháp luật.⁹¹
20. Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của ABBANK lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của ABBANK trong giờ làm việc.
21. Có quyền yêu cầu Hội đồng Quản trị, thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của ABBANK.
22. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật có liên quan.

Điều 61. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng Ban Kiểm soát⁹²

⁹¹ Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP; Khoản 7 Điều 39 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

1. Tổ chức triển khai việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát theo quy định tại Điều lệ này.
2. Chuẩn bị chương trình cho các cuộc họp của Ban Kiểm soát trên cơ sở xem xét các vấn đề và mối quan tâm của tất cả thành viên Ban Kiểm soát liên quan đến nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Kiểm soát.
3. Thay mặt Ban Kiểm soát ký các văn bản thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.
4. Thay mặt Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng Cổ đông họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng Quản trị họp bất thường theo quy định tại Điều lệ này.
5. Tham dự cuộc họp Hội đồng Quản trị, phát biểu ý kiến nhưng không được quyền biểu quyết. Yêu cầu ghi lại ý kiến của mình trong biên bản cuộc họp Hội đồng Quản trị nếu ý kiến của mình khác với nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị và báo cáo trước Đại hội đồng Cổ đông.
6. Chuẩn bị kế hoạch làm việc và phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Kiểm soát.
7. Đảm bảo các thành viên Ban Kiểm soát nhận được thông tin đầy đủ, khách quan, chính xác và đủ thời gian thảo luận các vấn đề mà Ban Kiểm soát phải xem xét.
8. Giám sát, chỉ đạo các thành viên Ban Kiểm soát trong việc thực hiện các công việc được phân công và nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát.
9. Ủy quyền cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát thực hiện nhiệm vụ của mình trong thời gian vắng mặt.
10. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 62. Nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ban Kiểm soát⁹³

1. Thành viên Ban Kiểm soát có các quyền hạn và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ và quyền hạn một cách trung thực, thận trọng vì lợi ích của ABBANK và cổ đông; tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ này và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình.
2. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng Ban Kiểm soát.
3. Yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát triệu tập họp Ban Kiểm soát bất thường.
4. Kiểm soát các hoạt động kinh doanh, kiểm tra sổ sách kế toán, tài sản, các báo cáo tài chính và kiến nghị khắc phục các sai phạm (nếu có).

⁹² Điều 46 Luật các TCTD; Điều 38 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

⁹³ Điều 47 Luật các TCTD; Điều 287 Nghị định 155/2020/NĐ-CP

5. Có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của ABBANK. Người quản lý, người điều hành ABBANK có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát được quyền yêu cầu cán bộ, nhân viên của ABBANK cung cấp số liệu và giải trình các hoạt động kinh doanh để thực hiện nhiệm vụ được phân công.
6. Báo cáo Trưởng Ban Kiểm soát về các hoạt động tài chính bất thường và chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình.
7. Tham dự các cuộc họp của Ban Kiểm soát, tham gia góp ý và biểu quyết về các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, trừ những vấn đề mà thành viên Ban Kiểm soát có xung đột lợi ích.
8. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 63. Thông qua quyết định của Ban Kiểm soát

1. Ban Kiểm soát thông qua quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp trực tiếp, trực tuyến hoặc lấy ý kiến bằng văn bản, thư điện tử (email) hoặc bỏ phiếu điện tử. Mỗi thành viên Ban Kiểm soát có một phiếu biểu quyết.
2. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng thành viên yêu cầu có mặt tại cuộc họp Ban Kiểm soát, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
3. Bất kỳ thành viên Ban Kiểm soát nào có liên quan đến một hợp đồng được nêu tại Khoản 1 Điều 31 Điều lệ này sẽ được coi là có quyền lợi vật chất đối với hợp đồng đó.
4. Thành viên Ban Kiểm soát nếu theo sự hiểu biết của mình thấy có liên quan dù là trực tiếp hay gián tiếp tới một hợp đồng, một thoả thuận hay một hợp đồng dự kiến hoặc một thoả thuận dự kiến giao kết với ABBANK phải khai báo bản chất quyền lợi liên quan với Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát để Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát xem xét việc có giao kết các hợp đồng hoặc thoả thuận đó không. Nếu như sau khi Hợp đồng, giao dịch đã được ký kết mới biết về sự tồn tại quyền lợi đó của mình hay trong bất cứ trường hợp nào khác, thành viên đó phải thông báo ngay tại cuộc họp gần nhất của Hội đồng Quản trị và cuộc họp gần nhất của Ban Kiểm soát sau khi thành viên đó biết được đã có quyền lợi liên quan.

Điều 64. Cuộc họp và lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát

1. Cuộc họp:

- a) Cuộc họp Ban Kiểm soát có thể được tiến hành dưới hình thức họp mặt trực tiếp hoặc cuộc họp trực tuyến. Ban Kiểm soát họp định kỳ ít nhất mỗi quý một lần và có thể được triệu tập họp bất thường để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất. Cuộc họp bất thường của Ban Kiểm soát được tiến hành theo đề nghị của:
 - Trưởng Ban Kiểm soát;
 - Hai thành viên Ban Kiểm soát trở lên;
 - Chủ tịch Hội đồng Quản trị;
 - Ít nhất 2/3 (hai phần ba) số thành viên Hội đồng Quản trị;
 - Tổng Giám đốc;
 - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- b) Trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của một trong các đối tượng nêu trên, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập và tiến hành cuộc họp Ban Kiểm soát bất thường.
- c) Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành sau 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày gửi thông báo cho các thành viên Ban Kiểm soát; trường hợp họp bất thường thì thời hạn thông báo có thể ngắn hơn theo quyết định của Trưởng Ban Kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban Kiểm soát được làm bằng văn bản, trong đó nêu rõ về chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Thành viên Ban Kiểm soát không thể trực tiếp dự họp có thể gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản, đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến cho Chủ tọa cuộc họp chậm nhất 01 giờ trước giờ khai mạc. Phiếu biểu quyết bằng văn bản này chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những thành viên trực tiếp dự họp.
- d) Cuộc họp Ban Kiểm soát được tiến hành khi có từ 2/3 (hai phần ba) trở lên số thành viên Ban Kiểm soát trực tiếp hoặc ủy quyền cho thành viên khác của Ban Kiểm soát dự họp. Trường hợp triệu tập họp Ban Kiểm soát định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng Ban Kiểm soát phải triệu tập tiếp cuộc họp Ban Kiểm soát lần hai trong thời gian không quá 07 (bảy) ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập cuộc họp Ban Kiểm soát không đủ số thành viên tham dự, Trưởng Ban Kiểm soát phải thông báo cho Hội đồng Quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất

thường trong thời hạn không quá 30 (ba mươi) ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên Ban Kiểm soát không dự họp.

- e) Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu người quản lý, người điều hành, đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ tại cuộc họp Ban Kiểm soát.⁹⁴
- f) Biểu quyết:
- Mỗi thành viên tham dự cuộc họp Ban Kiểm soát sẽ có một phiếu biểu quyết tại cuộc họp Ban Kiểm soát. Nếu thành viên Ban Kiểm soát không thể tham dự cuộc họp thì có thể uỷ quyền biểu quyết của mình bằng văn bản cho một thành viên khác của Ban Kiểm soát (là đối tượng được phép tham gia biểu quyết) thực hiện biểu quyết thay. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra Ban Kiểm soát quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên Ban Kiểm soát khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.
 - Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua nếu được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc thành viên Ban Kiểm soát làm Chủ tọa cuộc họp (trường hợp Trưởng Ban Kiểm soát vắng mặt hoặc Trưởng ban kiểm soát không triệu tập cuộc họp theo đề nghị).
- g) Biên bản họp Ban kiểm soát phải được lập chi tiết và rõ ràng. Người ghi biên bản và các thành viên Ban Kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát. Nội dung cuộc họp Ban Kiểm soát có thể được ghi âm và lưu giữ dưới hình thức điện tử. Biên bản họp Ban Kiểm soát được lập bằng tiếng Việt hoặc song ngữ Việt-Anh. Trường hợp có sự khác nhau giữa nội dung tiếng Việt và nội dung tiếng Anh về cùng một vấn đề thì nội dung bằng tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát:

Việc lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát để thông qua quyết định của Ban Kiểm soát có thể thực hiện bằng hình thức văn bản, thư điện tử hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử khác. Quyết định của Ban Kiểm soát được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến thành viên Ban Kiểm soát có giá trị tương đương

⁹⁴ Khoản 2 Điều 40 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

với một quyết định được thông qua tại một cuộc họp Ban Kiểm soát nếu:

- a) Được đa số thành viên Ban Kiểm soát có quyền tham gia biểu quyết đồng ý đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;
- b) Số lượng thành viên Ban Kiểm soát tham gia biểu quyết đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp Ban Kiểm soát.

Văn bản lấy ý kiến, ý kiến biểu quyết của thành viên Ban Kiểm soát và các tài liệu kèm theo có giá trị và được quản lý lưu giữ như biên bản cuộc họp Ban Kiểm soát.

Mục 5: TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 65. Tổng Giám đốc⁹⁵

1. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động của ABBANK do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm trong số các thành viên Hội đồng Quản trị hoặc thuê.
2. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và trước pháp luật về việc điều hành hoạt động hàng ngày của ABBANK và thực hiện quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Tổng Giám đốc:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ hoặc không được cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Điều lệ này;
 - c) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 28 và Điều 29 Điều lệ này;
 - d) Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về một trong các ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật;
 - e) Có ít nhất 05 năm là người điều hành của tổ chức tín dụng hoặc có ít nhất 05 năm là Tổng giám đốc (Giám đốc), Phó Tổng giám đốc (Phó giám đốc) doanh nghiệp có vốn chủ sở hữu tối thiểu bằng mức vốn pháp định đối với loại hình tổ chức tín dụng tương ứng và có ít nhất 05 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh

⁹⁵ Điều 48, 50 Luật các TCTD; Điều 65, Điều 157 Luật Doanh nghiệp

vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán hoặc có ít nhất 10 năm làm việc trực tiếp trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng, kế toán, kiểm toán⁹⁶.

f) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.

4. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định nhưng không quá 05 năm. Tổng Giám đốc có thể được Hội đồng Quản trị bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trình tự, thủ tục, hồ sơ bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Tổng Giám đốc thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định nội bộ của ABBANK.

Điều 66. Nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc⁹⁷

1. Tổng Giám đốc có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

- a) Quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của ABBANK mà không thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị;
- b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của ABBANK;
- d) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của ABBANK;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh quản lý, điều hành tại ABBANK, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị và các chức danh khác theo quy định nội bộ;
- f) Tuyển dụng lao động; quyết định lương, thưởng và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong ABBANK theo thẩm quyền;
- g) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận, trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- h) Lập và trình Hội đồng Quản trị thông qua hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền thông qua các báo cáo tài chính. Chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực của các báo cáo tài chính, báo cáo thống kê, số liệu quyết toán và các thông tin tài chính khác;
- i) Ban hành theo thẩm quyền quy chế, quy định nội bộ; Thiết lập các quy trình, thủ tục tác nghiệp để vận hành hệ thống điều hành kinh doanh, hệ thống thông tin báo cáo;

⁹⁶ Điểm d Khoản 4 Điều 50 Luật Các TCTD.

⁹⁷ Điều 49 Luật các TCTD, Điều 162 Luật Doanh nghiệp; Khoản 4 Điều 35 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

- j) Báo cáo với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Đại hội đồng Cổ đông và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về hoạt động, hiệu quả và kết quả kinh doanh của ABBANK theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - k) Thành lập và ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của Hội đồng rủi ro, Hội đồng quản lý tài sản/nợ phải trả (Hội đồng ALCO), Hội đồng quản lý vốn để đề xuất, tham mưu cho Tổng Giám đốc trong việc xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách, hạn mức rủi ro, quản lý tài sản, nợ/có, đánh giá mức độ đủ vốn và thực hiện các trách nhiệm, quyền hạn của Tổng Giám đốc phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này⁹⁸;
 - l) Được quyết định áp dụng các biện pháp vượt thẩm quyền của mình trong trường hợp khẩn cấp (thiên tai, địch họa, hỏa hoạn, sự cố) và chịu trách nhiệm về những quyết định đó, sau đó phải báo cáo ngay Hội đồng Quản trị để giải quyết tiếp;
 - m) Kiến nghị, đề xuất cơ cấu tổ chức và hoạt động của ABBANK nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của Ngân hàng trình Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng Cổ đông quyết định theo thẩm quyền;
 - n) Đề nghị triệu tập họp Hội đồng Quản trị bất thường theo quy định tại Điều lệ này;
 - o) Ký kết hợp đồng nhân danh ABBANK theo quy định tại Điều lệ này và các quy định nội bộ về phân quyền, uỷ quyền có liên quan;
 - p) Chịu sự giám sát của Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát;
 - q) Các quyền và nhiệm vụ khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và các nhiệm vụ, công việc do Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị phân công, phân cấp, giao cho theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông, Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng Quản trị.
2. Tổng Giám đốc phải điều hành hoạt động của ABBANK theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ này, hợp đồng, thoả thuận, cam kết ký với ABBANK và quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Hội đồng Quản trị. Nếu điều hành trái với quy định của pháp luật và Điều lệ này mà gây thiệt hại cho ABBANK thì Tổng Giám đốc phải bồi thường thiệt hại do lỗi của mình gây ra cho ABBANK.

Điều 67. Tổ chức bộ máy quản lý⁹⁹

1. Hệ thống quản lý của ABBANK phải bảo đảm bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng Quản trị

⁹⁸ Khoản 3 Điều 9 Thông tư 13/2018/TT-NHNN

⁹⁹ Điều 33, 34 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

trong công việc kinh doanh hằng ngày của ABBANK.

2. Giúp việc cho Tổng Giám đốc là các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc Khối, Trưởng đơn vị Hội sở và các chức danh khác theo quy định của ABBANK. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên theo quy định do Hội đồng Quản trị ban hành trong từng thời kỳ.
3. Tiêu chuẩn và điều kiện đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh, Giám đốc công ty con và các chức danh tương đương:
 - a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
 - b) Không thuộc các trường hợp không được đảm nhiệm chức vụ hoặc không được cùng đảm nhiệm chức vụ theo quy định tại Điều 22, Điều 23 Điều lệ này;
 - c) Có đạo đức nghề nghiệp trên cơ sở tuân thủ quy định tại Điều 28 và Điều 29 Điều lệ này;
 - d) Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm phù hợp:
 - Có bằng Đại học hoặc trên Đại học về ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, luật hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm; hoặc
 - Có bằng Đại học hoặc trên Đại học ngoài các ngành, lĩnh vực nêu trên và có ít nhất 3 (ba) năm làm việc trực tiếp trong ngành tài chính, ngân hàng hoặc lĩnh vực chuyên môn mà mình sẽ đảm nhiệm.
 - e) Cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
4. Hội đồng Quản trị quy định cụ thể cơ cấu tổ chức, chức năng, nhiệm vụ của các Đơn vị trong ABBANK và việc bổ nhiệm, miễn nhiệm đối với các chức danh quy định tại Điều này.

Mục 6: QUYỀN TRA CỨU SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 68. Quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ¹⁰⁰

1. Cổ đông phổ thông có quyền tra cứu sổ sách và hồ sơ, cụ thể như sau:
 - a) Cổ đông phổ thông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi

¹⁰⁰ Điều 49 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT_BTC

thông tin không chính xác của mình; xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ ABBANK, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông.

- b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông cổ đông nêu tại Khoản 2 Điều 27 Điều lệ này có quyền xem xét, tra cứu, trích lục biên bản và nghị quyết, quyết định của Hội đồng Quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm, báo cáo của Ban kiểm soát, họp đồng, giao dịch phải thông qua Hội đồng Quản trị và tài liệu khác, trừ tài liệu liên quan đến bí mật thương mại, bí mật kinh doanh của ABBANK.
 - c) Yêu cầu tra cứu phải được báo trước tối thiểu 5 ngày làm việc; việc tra cứu được tiến hành trong giờ làm việc, tại văn phòng trụ sở chính của ABBANK. Trường hợp yêu cầu tra cứu do đại diện được ủy quyền của cổ đông, nhóm cổ đông đưa ra phải kèm theo bản chính hoặc bản sao hợp lệ giấy ủy quyền có công chứng, chứng thực của cổ đông, nhóm cổ đông.
2. Thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác có quyền tra cứu sổ đăng ký cổ đông của ABBANK, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của ABBANK vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
 3. ABBANK phải lưu giữ Điều lệ này và những bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ, Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Hội đồng Quản trị, các báo cáo của Ban Kiểm soát, Báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
 4. Điều lệ ABBANK phải được công bố trên trang thông tin điện tử của ABBANK.

Mục 7: NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 69. Người lao động và công đoàn¹⁰¹

1. Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng và trình Hội đồng Quản trị ban hành các Quy chế, quy định liên quan đến việc tuyển dụng, thuê lao động, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng, kỷ luật và các vấn đề liên quan đối với người lao động và người điều hành ABBANK.
2. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng Quản trị thông qua các vấn đề

¹⁰¹ Điều 50 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

liên quan đến quan hệ của ABBANK với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất; quy định tại Điều lệ này, các quy chế của ABBANK và quy định pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IV: CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN, KIỂM TOÁN VÀ THÔNG TIN BÁO CÁO

Mục 1: CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 70. Chế độ tài chính, năm tài chính

1. Chế độ tài chính của ABBANK thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác liên quan.
2. Căn cứ vào quy định của pháp luật, Hội đồng Quản trị ban hành Quy chế quản lý tài chính của ABBANK để làm căn cứ thực hiện.
3. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc trong phạm vi chức năng của mình, chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước các cơ quan quản lý Nhà nước về việc chấp hành chế độ tài chính, kiểm toán, kế toán của ABBANK.
4. Năm tài chính của ABBANK bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm dương lịch.
5. ABBANK tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm về hoạt động kinh doanh của mình, thực hiện nghĩa vụ và các cam kết của mình theo quy định của pháp luật.

Điều 71. Hệ thống kế toán

1. ABBANK sử dụng Hệ thống kế toán doanh nghiệp áp dụng đối với ngân hàng thương mại cổ phần theo quy định của Bộ Tài chính, Ngân hàng Nhà nước và các quy định pháp luật khác có liên quan.
2. ABBANK lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Sổ sách kế toán được lập theo loại hình kinh doanh; các sổ sách đó phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch.
3. ABBANK sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng ngoại tệ thì việc sử dụng đơn vị tiền tệ là ngoại tệ trong kế toán tuân theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 72. Báo cáo tài chính và báo cáo thường niên¹⁰²

1. ABBANK lập các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật về kế toán, thống kê và báo cáo hoạt động nghiệp vụ định kỳ theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
2. ABBANK phải lập báo cáo tài chính năm và báo cáo tài chính năm phải được kiểm toán theo quy định của pháp luật. ABBANK công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
3. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định. Báo cáo tài chính năm phải phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của ABBANK.
4. ABBANK phải lập và công bố báo cáo tài chính bán niên đã soát xét và báo cáo tài chính quý theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
5. ABBANK phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 73. Kiểm toán độc lập¹⁰³

1. Hàng năm, Đại hội đồng Cổ đông chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng Quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của ABBANK; đồng thời báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước về tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày quyết định chọn.
2. Trường hợp Hội đồng Quản trị gia hạn cuộc họp thường niên Đại hội đồng Cổ đông sau 04 (bốn) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính thì Hội đồng Quản trị có quyền quyết định lựa chọn tổ chức kiểm toán độc lập để kiểm toán, soát xét báo cáo tài chính của ABBANK. Tổ chức kiểm toán độc lập được lựa chọn phải bảo đảm các yêu cầu sau đây:
 - a) Thuộc nhóm các tổ chức kiểm toán uy tín quốc tế (Big4): Công ty TNHH KPMG (KPMG), Công ty TNHH Deloitte Việt Nam (DELOITTE), Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (E&Y), Công ty TNHH PWC (VIỆT NAM) – PWC;
 - b) Thuộc danh sách được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng

¹⁰² Điều 55, 56 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

¹⁰³ Điều 42 Luật các TCTD; Điều 57 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC

thuộc lĩnh vực chứng khoán theo quy định hiện hành của pháp luật;

- c) Không thuộc trường hợp đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của ABBANK quá 5 năm liên tục.

Hội đồng Quản trị báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất về việc lựa chọn tổ chức kiểm toán trong trường hợp này.

3. Báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của ABBANK.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của ABBANK được tham dự các cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của ABBANK.
5. ABBANK phải thực hiện kiểm toán độc lập lại trong trường hợp báo cáo kiểm toán có ý kiến ngoại trừ của tổ chức kiểm toán độc lập.
6. Việc kiểm toán cụ thể các hoạt động của ABBANK được thực hiện theo quy định của Luật các Tổ chức tín dụng, pháp luật về kiểm toán và các quy định pháp luật khác có liên quan.

Điều 74. Sử dụng vốn và bảo đảm tỷ lệ an toàn¹⁰⁴

1. ABBANK được sử dụng vốn để phục vụ hoạt động kinh doanh, đầu tư xây dựng, mua sắm tài sản cố định theo quy định của pháp luật.
2. ABBANK được quyền thay đổi cơ cấu vốn và tài sản phục vụ cho việc phát triển hoạt động theo quy định của pháp luật.
3. ABBANK được điều động vốn và tài sản giữa các Công ty con.
4. Trong quá trình hoạt động, ABBANK phải duy trì và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
5. ABBANK phải dự phòng rủi ro trong hoạt động. Khoản dự phòng rủi ro này được hạch toán vào chi phí hoạt động.
6. Việc phân loại tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động thực hiện theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước.
7. Trong trường hợp ABBANK thu hồi được vốn đã xử lý bằng khoản dự phòng rủi ro, số tiền thu hồi này được coi là doanh thu của ABBANK.

¹⁰⁴ Điều 130, 131 Luật Các TCTD

Mục 2:
TRÍCH LẬP CÁC QUỸ VÀ PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 75. Trích lập các quỹ

1. ABBANK trích từ lợi nhuận sau thuế để lập và duy trì các quỹ sau:
 - a) Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ;
 - b) Quỹ dự phòng tài chính;
 - c) Quỹ khen thưởng, phúc lợi;
 - d) Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.
2. Hội đồng Quản trị trình Đại hội đồng Cổ đông quyết định cụ thể mức trích lập các quỹ từ lợi nhuận sau thuế trên cơ sở quy định của pháp luật và tình hình thực tế của ABBANK. Việc sử dụng các quỹ nêu trên được thực hiện phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ này và quy định nội bộ của ABBANK.

Điều 76. Chia cổ tức¹⁰⁵

1. Đại hội đồng Cổ đông quyết định việc chia cổ tức và mức cổ tức được chia trên cơ sở đề nghị của Hội đồng Quản trị, phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan.
2. ABBANK chỉ được trả cổ tức cho cổ đông khi có đủ các điều kiện sau:
 - a) Đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật;
 - b) Đã trích lập các quỹ bắt buộc và bù đắp đủ lỗ trước đó theo quy định của pháp luật và Điều lệ này;
 - c) Ngay sau khi chi trả hết số cổ tức dự kiến, ABBANK vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn.
3. ABBANK trả cổ tức dựa trên các chính sách sau đây:
 - a) Tuân thủ quy định của pháp luật và yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước;
 - b) Phù hợp với tốc độ tăng trưởng lợi nhuận của ABBANK;
 - c) Minh bạch, công bằng và vì lợi ích tốt nhất của cổ đông;
 - d) Hòa giải giữa yêu cầu tích lũy nội tại của Ngân hàng và nhu cầu về cổ tức của cổ đông; giữa việc chia cổ tức bằng tiền mặt và bằng cổ phiếu phù hợp với

¹⁰⁵ Điều 132 Luật Doanh nghiệp

chiến lược phát triển và tình hình thực tế của ABBANK trong từng thời kỳ.

4. Hội đồng Quản trị phải lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức, xác định mức cổ tức được trả với từng cổ phần, thời hạn và hình thức trả, công bố thông tin theo quy định về việc chi trả cổ tức cho cổ đông.
5. Cổ tức có thể được chi trả bằng tiền mặt, bằng cổ phiếu hoặc kết hợp bằng tiền mặt và cổ phiếu theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông. Nếu chi trả bằng tiền mặt thì phải được thực hiện bằng đồng Việt Nam, có thể được thực hiện bằng chuyển khoản tới tài khoản nhận cổ tức do cổ đông đã đăng ký với ABBANK hoặc chuyển khoản đến tài khoản thanh toán của cổ đông tại ABBANK nếu cổ đông không chỉ định tài khoản khác để nhận cổ tức. ABBANK không trả lãi hay một khoản tiền nào khác phát sinh liên quan tới cổ tức. Cổ đông có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập cá nhân và chịu các chi phí chuyển tiền (nếu có) khi nhận cổ tức.
6. Cổ đông chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian giữa thời điểm kết thúc lập danh sách cổ đông được nhận cổ tức và thời điểm trả cổ tức, thì người chuyển nhượng là người nhận cổ tức.
7. Hội đồng Quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc này phù hợp với kết quả kinh doanh của ABBANK và các quy định pháp luật có liên quan.
8. Hội đồng Quản trị xem xét, ban hành quy định cụ thể về chi trả cổ tức căn cứ quy định hiện hành của pháp luật và các quy định của Điều lệ này.

Mục 3: CHẾ ĐỘ THÔNG TIN, BÁO CÁO

Điều 77. Thông tin và bảo mật thông tin¹⁰⁶

1. ABBANK cung cấp thông tin cho chủ tài khoản về giao dịch và số dư trên tài khoản của chủ tài khoản theo thỏa thuận với chủ tài khoản và các quy định của pháp luật.
2. ABBANK được trao đổi thông tin với các tổ chức tín dụng khác về hoạt động ngân hàng phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước.
3. Cán bộ, nhân viên của ABBANK và những người có liên quan không được tiết lộ bí mật nhà nước và bí mật kinh doanh của ABBANK mà mình biết.
4. ABBANK phải bảo đảm bí mật thông tin liên quan đến khách hàng, được quyền từ chối yêu cầu của tổ chức, cá nhân về việc cung cấp thông tin liên quan đến tài khoản, tiền gửi, tài sản và các giao dịch của khách hàng tại ABBANK, trừ trường

¹⁰⁶ Điều 13, Điều 14 Luật các TCTD.

hợp có yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật hoặc được sự chấp thuận của khách hàng.

5. ABBANK có trách nhiệm cung cấp cho Ngân hàng Nhà nước thông tin liên quan đến hoạt động kinh doanh và được Ngân hàng Nhà nước cung cấp thông tin của khách hàng có quan hệ tín dụng với tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 78. Báo cáo và công bố thông tin

1. ABBANK phải lập và gửi các báo cáo định kỳ hoặc đột xuất cho Ngân hàng Nhà nước, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và các cơ quan hữu quan khác theo đúng quy định của pháp luật.
2. ABBANK có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời các báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, các thông tin định kỳ và bất thường về tình hình hoạt động kinh doanh, tài chính và quản trị ngân hàng theo quy định của pháp luật về các tổ chức tín dụng, pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán và các văn bản hướng dẫn, yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.
3. ABBANK phải ban hành các văn bản nội bộ để thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định của pháp luật và hướng dẫn, yêu cầu của cơ quan quản lý có thẩm quyền.
4. Việc công bố thông tin phải đảm bảo nguyên tắc kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch, phù hợp với quy định của pháp luật; bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.

Điều 79. Chế độ lưu giữ tài liệu¹⁰⁷

1. ABBANK phải lưu giữ các tài liệu sau đây tại Trụ sở chính của ABBANK hoặc địa điểm khác do ABBANK quyết định phù hợp với quy định của pháp luật:
 - a) Điều lệ ABBANK, bao gồm cả các văn bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
 - b) Quy chế quản lý nội bộ của ABBANK; Sổ đăng ký cổ đông;
 - c) Giấy phép thành lập và hoạt động, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp; các giấy phép và giấy chứng nhận khác (nếu có);
 - d) Tài liệu, giấy tờ xác nhận quyền sở hữu tài sản của ABBANK;
 - e) Phiếu biểu quyết, biên bản kiểm phiếu, Biên bản họp Đại hội đồng Cổ đông,

¹⁰⁷ Điều 11 Luật Doanh nghiệp; Khoản 4 Điều 49 Điều lệ mẫu theo Thông tư 116/2020/TT-BTC.

- Hội đồng Quản trị; các quyết định của ABBANK; các báo cáo của Hội đồng Quản trị;
- f) Bản cáo bạch để phát hành chứng khoán (nếu có);
 - g) Báo cáo của Ban Kiểm soát, kết luận của cơ quan thanh tra, kết luận của tổ chức kiểm toán độc lập;
 - h) Sổ kế toán, chứng từ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;
 - i) Hồ sơ tín dụng theo quy định của Ngân hàng Nhà nước;
 - j) Các tài liệu khác theo quy định của pháp luật.
2. Thời hạn, cách thức lưu giữ các tài liệu thực hiện theo quy định pháp luật.
 3. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện việc lưu giữ, quản lý hồ sơ, tài liệu tại ABBANK theo quy định tại Điều lệ này và quy định pháp luật.

CHƯƠNG V: GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP, TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN

Điều 80. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Bất cứ tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới quyền và nghĩa vụ của cổ đông phát sinh từ Điều lệ này hay từ quy định của Luật Các tổ chức tín dụng, Luật Doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác hoặc thỏa thuận giữa:
 - a) Cổ đông với ABBANK; hoặc
 - b) Cổ đông với Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc hay cán bộ quản lý cấp cao do Hội đồng Quản trị bổ nhiệm.

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hòa giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 21 (hai mươi mốt) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng Quản trị hay Chủ tịch Hội đồng Quản trị, bất cứ bên nào đều có thể yêu cầu Trưởng Ban Kiểm soát chỉ định một chuyên gia độc lập làm trung gian hòa giải cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Nếu không có quyết định nào đạt được thông qua hòa giải trong vòng 6 (sáu) tuần từ khi bắt đầu quá trình hòa giải hoặc nếu quyết định của trung gian hòa

giải không được các bên chấp nhận, bất kỳ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài hoặc Tòa án để giải quyết.

3. Các bên tự chịu chi phí có liên quan tới thủ tục thương lượng và hòa giải. Việc thanh toán các chi phí khi giải quyết tranh chấp tại Trọng tài hoặc Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Trọng tài hoặc Tòa án.

Điều 81. Tổ chức lại¹⁰⁸

1. Việc tổ chức lại ABBANK theo các hình thức chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi hoặc các hình thức khác được thực hiện theo các quy định của pháp luật.
2. Đại hội đồng Cổ đông quyết định việc tổ chức lại ABBANK.

Điều 82. Giải thể¹⁰⁹

1. ABBANK bị giải thể trong các trường hợp sau:
 - a) ABBANK tự nguyện xin giải thể nếu có khả năng thanh toán hết nợ và phải được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
 - b) Khi hết hạn hoạt động mà ABBANK không xin gia hạn giấy phép hoạt động hoặc xin gia hạn nhưng không được Ngân hàng Nhà nước chấp thuận;
 - c) Bị thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động;
 - d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc thanh lý khi giải thể ABBANK thực hiện theo các quy định pháp luật có liên quan.

Điều 83. Áp dụng can thiệp sớm và kiểm soát đặc biệt¹¹⁰

1. Khi có nguy cơ mất khả năng chi trả, nguy cơ mất khả năng thanh toán, ABBANK phải kịp thời báo cáo Ngân hàng Nhà nước về thực trạng, nguyên nhân, các biện pháp đã áp dụng, các biện pháp dự kiến áp dụng để khắc phục và các đề xuất, kiến nghị với Ngân hàng Nhà nước.
2. ABBANK được Ngân hàng Nhà nước xem xét áp dụng can thiệp sớm và phải thực hiện các phương án khắc phục trong trường hợp được can thiệp sớm theo yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước theo quy định tại Điều 130a Luật Các tổ chức tín dụng.

¹⁰⁸ Điều 153 Luật Các TCTD; Điều 198 đến Điều 201 Luật Doanh nghiệp

¹⁰⁹ Điều 154 Luật Các TCTD; Điều 201 đến Điều 205 Luật Doanh nghiệp

¹¹⁰ Mục 1 Chương VIII Luật Các TCTD

3. ABBANK được Ngân hàng Nhà nước xem xét đặt vào kiểm soát đặc biệt khi lâm vào một trong những trường hợp sau:
 - a) Mất, có nguy cơ mất khả năng chi trả;
 - b) Mất, có nguy cơ mất khả năng thanh toán;
 - c) Số lỗ lũy kế của ABBANK lớn hơn 50% (năm mươi phần trăm) giá trị của vốn điều lệ và các quỹ dự trữ ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - d) Không duy trì được tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu quy định tại điểm b, Khoản 1 Điều 130 của Luật Các tổ chức tín dụng trong thời gian 12 (mười hai) tháng liên tục hoặc tỷ lệ an toàn vốn tối thiểu thấp hơn 4% (bốn phần trăm) trong thời hạn 06 (sáu) tháng liên tục;
 - e) Hai (02) năm liên tục bị xếp hạng yếu kém theo quy định của Ngân hàng Nhà nước.
4. Việc áp dụng can thiệp sớm, thực hiện kiểm soát đặc biệt thực hiện theo quy định tại Điều 130a, Điều 145a Luật Các tổ chức tín dụng. Trường hợp được kiểm soát đặc biệt, ABBANK có thể được Ngân hàng Nhà nước, Bảo hiểm tiền gửi Việt Nam hoặc các tổ chức tín dụng khác cho vay đặc biệt theo quy định tại Điều 146d Luật Các tổ chức tín dụng.
5. Trường hợp ABBANK được kiểm soát đặc biệt, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc, cổ đông của ABBANK có trách nhiệm sau đây:
 - a) Xây dựng phương án cơ cấu lại theo yêu cầu của Ban Kiểm soát đặc biệt.
 - b) Thực hiện chủ trương, phương án cơ cấu lại đã được cấp có thẩm quyền quyết định, phê duyệt.
 - c) Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ngân hàng Nhà nước quy định tại Điều 146a của Luật Các tổ chức tín dụng.
 - d) Thực hiện quyết định, yêu cầu của Ban Kiểm soát đặc biệt quy định tại Điều 146b của Luật Các tổ chức tín dụng.
 - e) Đồng thời, Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc có trách nhiệm quản trị, kiểm soát, điều hành hoạt động kinh doanh của ABBANK, bảo đảm an toàn tài sản của ABBANK.
6. Việc kiểm soát đặc biệt ABBANK được Ngân hàng Nhà nước xem xét, quyết định chấm dứt thuộc một trong trường hợp sau:

- a) ABBANK khắc phục được tình trạng dẫn đến Ngân hàng được đặt vào kiểm soát đặc biệt và tuân thủ các tỷ lệ bảo đảm an toàn quy định tại Điều 130 của Luật Các tổ chức tín dụng;
- b) Trong thời gian kiểm soát đặc biệt, ABBANK được sáp nhập, hợp nhất vào tổ chức tín dụng khác hoặc bị giải thể;
- c) Sau khi Thẩm phán chỉ định Quản tài viên hoặc doanh nghiệp quản lý, thanh lý tài sản để tiến hành thủ tục phá sản.

Điều 84. Phá sản

Việc phá sản ABBANK thực hiện theo qui định của Luật Các tổ chức tín dụng và pháp luật về phá sản.

CHƯƠNG VI: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 85. Hiệu lực của Điều lệ

1. Điều lệ này đã được Đại hội đồng Cổ đông ABBANK nhất trí thông qua và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được thông qua và thay thế cho Điều lệ ABBANK (và các sửa đổi, bổ sung kèm theo) đã ban hành trước đây.
3. Các vấn đề chưa được đề cập trong Điều lệ này sẽ được thực hiện theo các quy định của pháp luật có liên quan. Trường hợp có sự khác nhau giữa quy định bắt buộc áp dụng của pháp luật với quy định của Điều lệ này thì áp dụng theo quy định của pháp luật.
4. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này do Đại hội đồng Cổ đông quyết định, trừ trường hợp cập nhật, điều chỉnh thông tin tại Điều lệ này theo đúng nội dung sửa đổi Giấy phép do Ngân hàng Nhà nước cấp cho ABBANK khi có phát sinh sẽ do Chủ tịch Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm thực hiện, xác nhận, công bố và báo cáo Ngân hàng Nhà nước, cơ quan quản lý theo quy định hiện hành và báo cáo Đại hội đồng Cổ đông tại cuộc họp gần nhất.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm hợp nhất các nội dung sửa đổi, bổ sung điều lệ đã được Đại hội đồng Cổ đông thông qua vào bản Điều lệ này mỗi khi phát sinh.

Điều 86. Điều khoản cuối cùng

1. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của ABBANK.

- Điều lệ này gồm 06 chương, 86 điều, được lập thành 5 bản, có giá trị như nhau, phải được gửi cho Ngân hàng Nhà nước và lưu giữ tại trụ sở chính của ABBANK.
- Bản sao hoặc trích lục Điều lệ này có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng Quản trị hoặc tối thiểu của 1/2 (một phần hai) số thành viên Hội đồng Quản trị.

Điều lệ này đã được Đại hội đồng Cổ đông ABBANK thông qua ngày 29 tháng 4 năm 2021 và được sửa đổi, bổ sung ngày 20 tháng 4 năm 2022.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA ABBANK
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

Đào Mạnh Kháng